

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc

MSV: 1112401431

Lớp : QT1504K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải
container Hoàng Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.
- Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng hiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.

3. Địa điểm thực tập.

- Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.
- Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 – P. Đông Hải 2 – Q. Hải An – TP. Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn :

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn :

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 08 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 11 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhận nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1.Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2.Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3.Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.3. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
<i>1.3.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i>	<i>3</i>
<i>1.3.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động</i>	<i>4</i>
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
<i>1.4.1. Kế toán doanh thu</i>	<i>5</i>
<i>1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>5</i>
<i>1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.....</i>	<i>10</i>
<i>1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>11</i>
<i>1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>13</i>
<i>1.4.2. Kế toán chi phí.....</i>	<i>14</i>
<i>1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>14</i>
<i>1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh</i>	<i>16</i>
<i>1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính.....</i>	<i>18</i>
<i>1.4.2.4. Kế toán chi phí khác.....</i>	<i>19</i>
<i>1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>21</i>
<i>1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>21</i>
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	22

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN	24
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn	24
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn</i>	24
<i>2.1.2. Ngành nghề kinh doanh</i>	24
<i>2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp:</i>	25
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty</i>	26
<i>2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty</i>	26
<i>2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn</i>	27
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn	29
<i>2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác</i>	29
<i>2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>	29
<i>2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	37
<i>2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác</i>	41
<i>2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác</i>	45
<i>2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán</i>	45
<i>2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí quản lý kinh doanh</i>	53
<i>2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính</i>	58
<i>2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác</i>	61
<i>2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	63
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN	76
3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	76

<i>3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	76
<i>3.1.2. Nguyên tắc của việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	76
3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn	77
<i>3.2.1. Những ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty</i>	77
<i>3.2.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty</i>	78
3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn	79
<i>3.3.1. Hoàn thiện chứng từ kế toán</i>	79
<i>3.3.2. Hoàn thiện tài khoản sử dụng</i>	79
<i>3.3.3. Hoàn thiện sổ sách sử dụng</i>	80
<i>3.3.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ</i>	85
<i>3.3.5. Về việc sử dụng phần mềm kế toán</i>	86
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

LỜI NÓI ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh). Như vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, chúng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau, trong đó doanh thu là điều kiện kiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn, em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn”** để làm khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm ba chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cùng các anh chị Phòng Kế toán Công ty Hoàng Sơn đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận.

Sinh viên
Nguyễn Thị Ngọc

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu. Tổ chức kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa tổ chức kế toán. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.
- Đối với các trung gian tài chính như ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.
- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán. Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.3. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Doanh thu tài chính
 - Thu nhập khác

• **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- Phân loại chi phí bao gồm:

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác

• **Kết quả kinh doanh:** là việc xác định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.3.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

• **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

<i>Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>=</i>	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>-</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>Chi phí quản lý kinh doanh (gồm CP bán hàng, CP QLDN)</i>
--	----------	--	----------	-------------------------	----------	--

Trong đó:

<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>=</i>	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>-</i>	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>
--	----------	---	----------	-------------------------------------

- **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

- **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.4.Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 - Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa có thuế GTGT;
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu);
 - Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;
 - Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;
 - Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;
 - Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho

thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

• **Các phương thức bán hàng:**

Căn cứ vào thời điểm và phương thức thanh toán tiền của người mua mà người ta có thể chia ra thành các phương thức bán hàng như sau:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán, khi

giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- Phương thức hàng đổi hàng: Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa vật tư tương ứng trên thị trường.

• **Chứng từ sử dụng:**

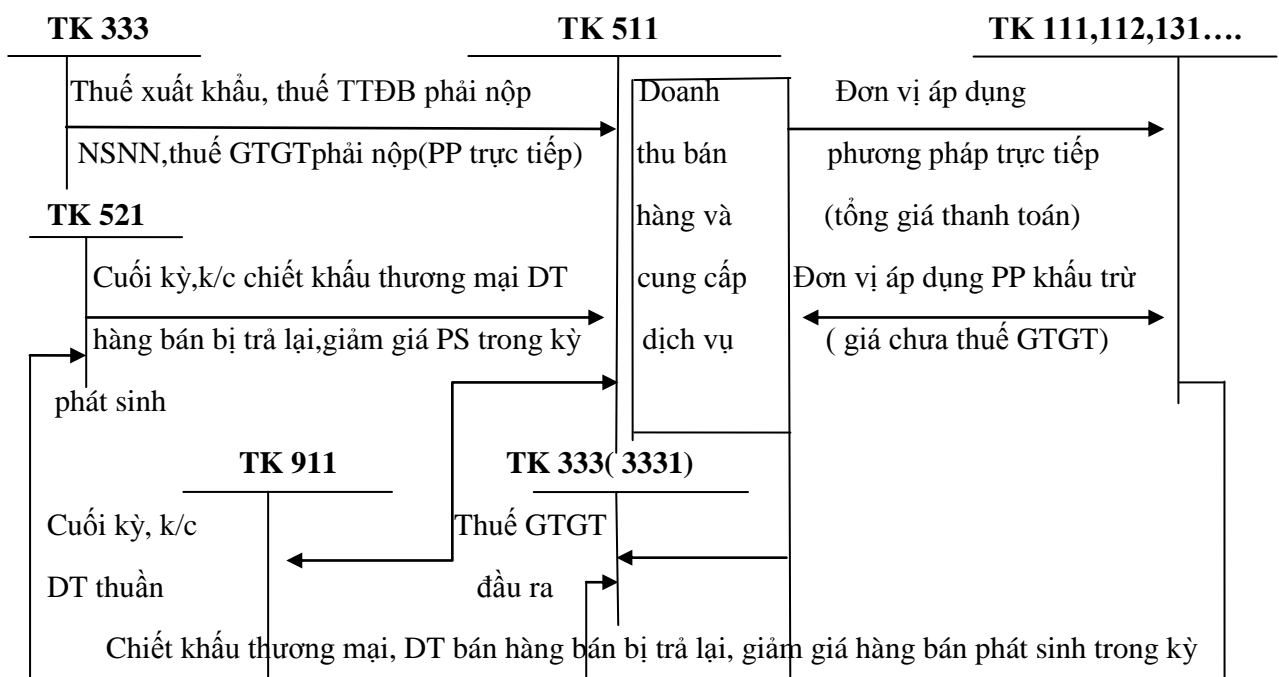
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

• **Tài khoản sử dụng:**

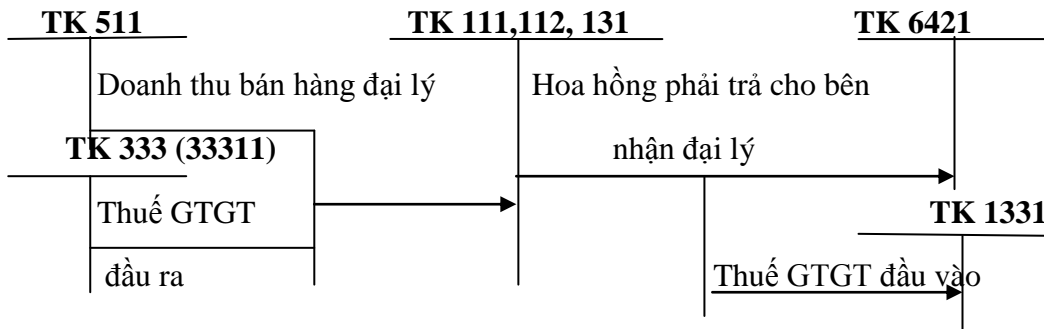
- TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - + TK 5118: Doanh thu khác

• **Phương pháp hạch toán:**

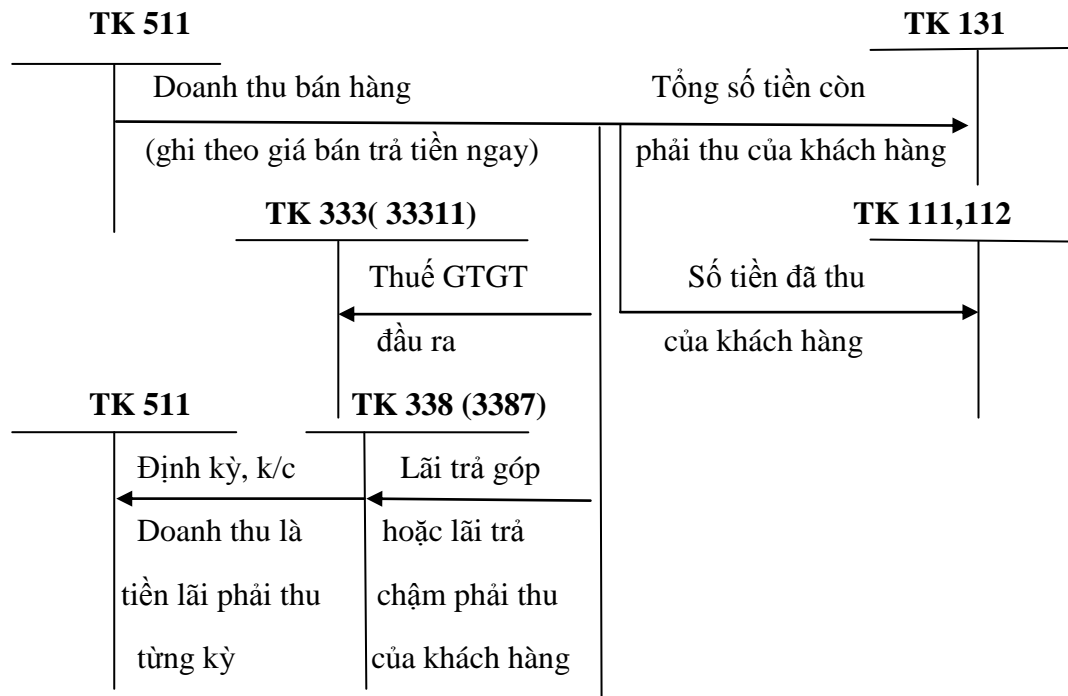
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



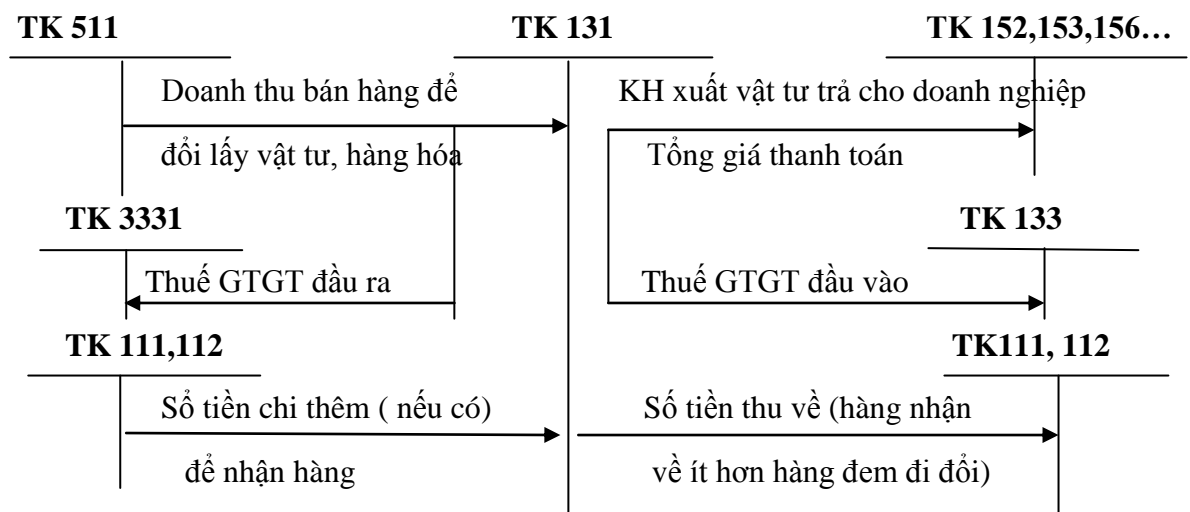
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



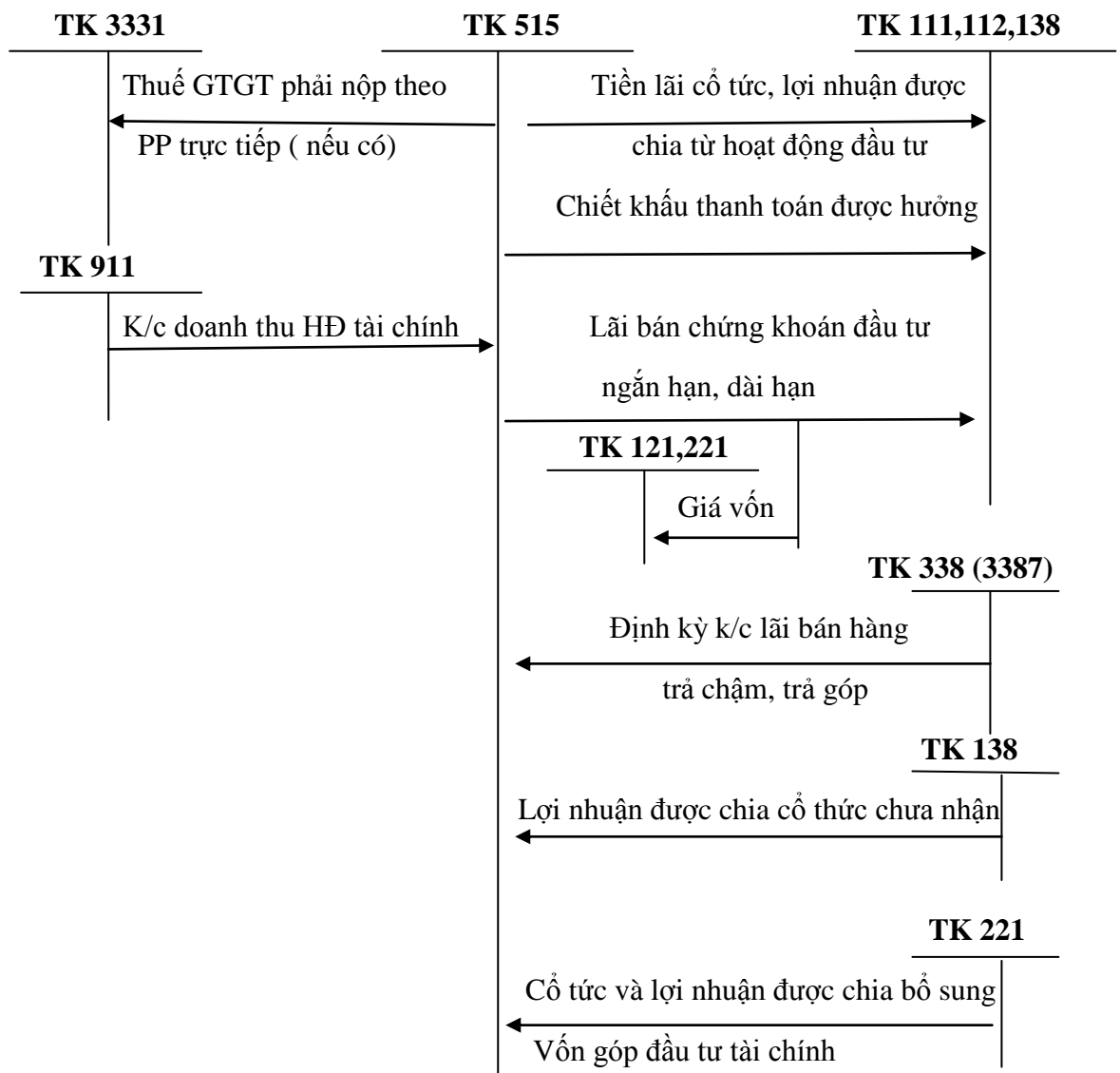
Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản:
 - Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
 - Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác.
 - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn.
 - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- **Chứng từ sử dụng:**
 - Giấy báo lãi, giấy báo có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán, Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

• **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ,...

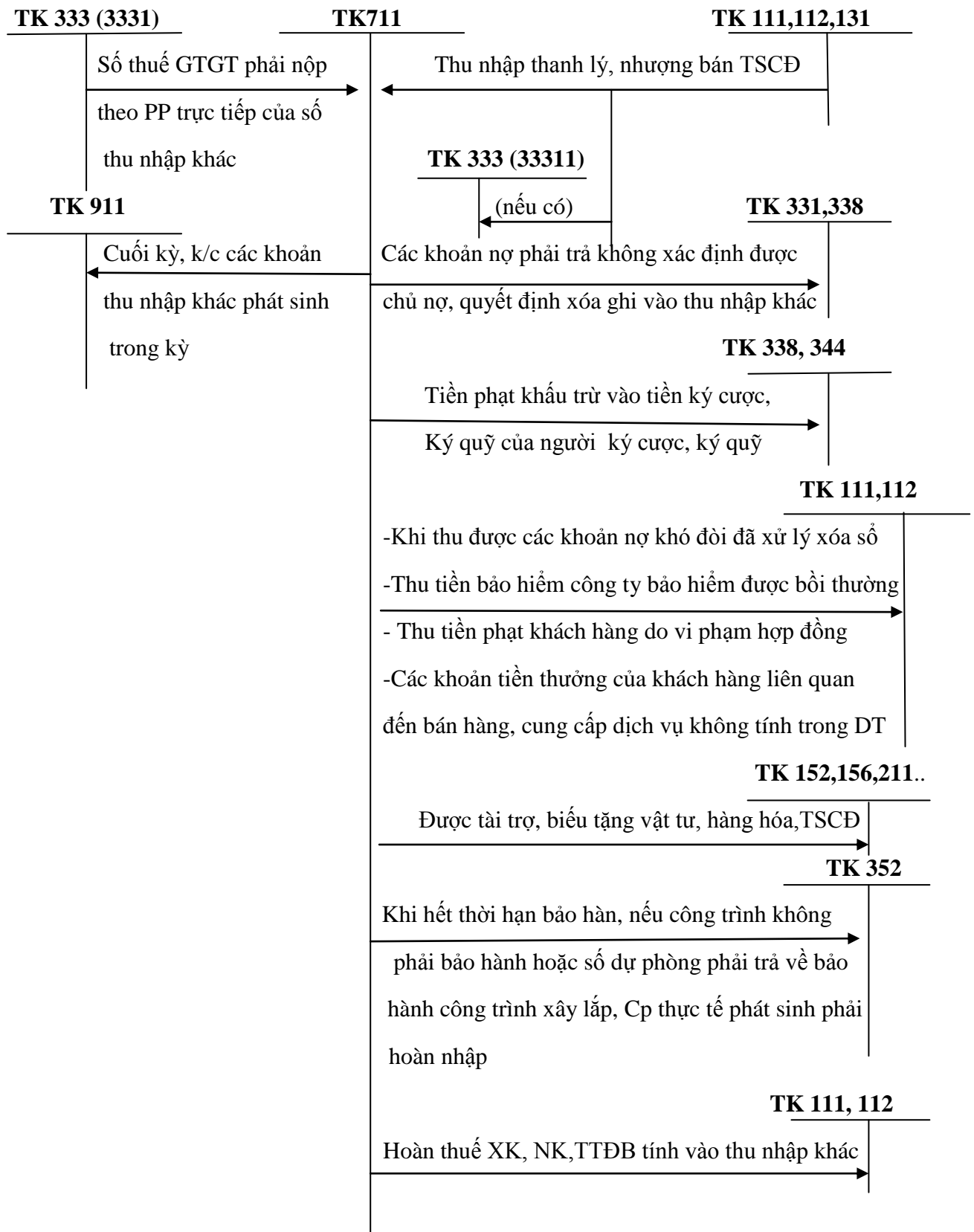
• **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

• **Tài khoản sử dụng:** TK 711 – “Thu nhập khác”

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong TK 521 bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà người bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- + Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

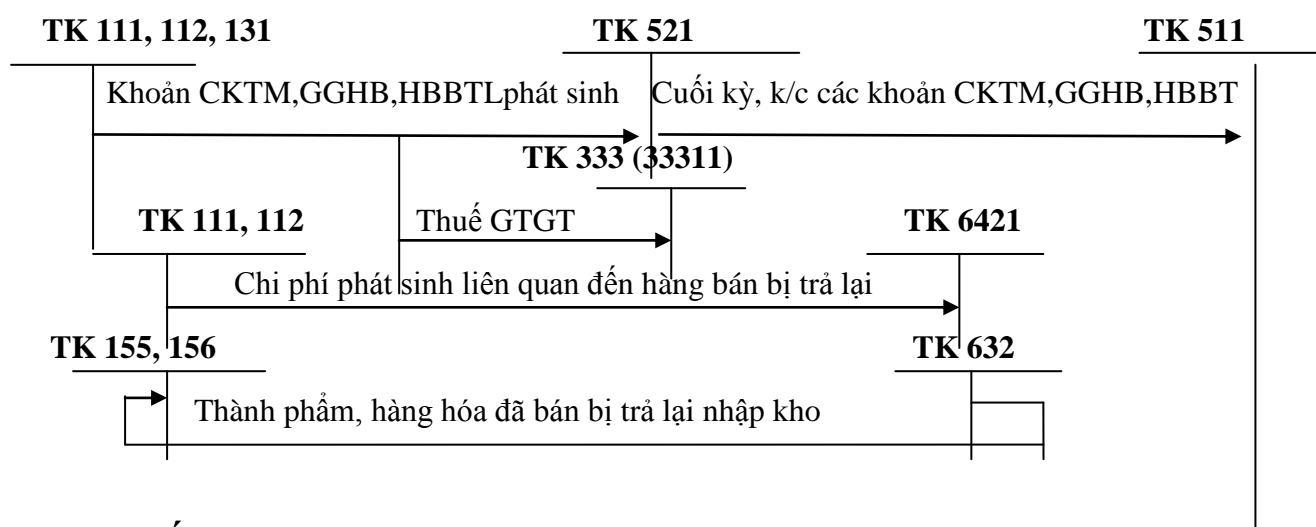
- **Tài khoản sử dụng:** TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

- + TK 5211: Chiết khấu thương mại
- + TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- + TK 5213: Giảm giá hàng bán

- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

+ Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.4.2. Kế toán chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

- **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến

độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

▪ **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i}{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

• **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

• **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

• **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

• **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

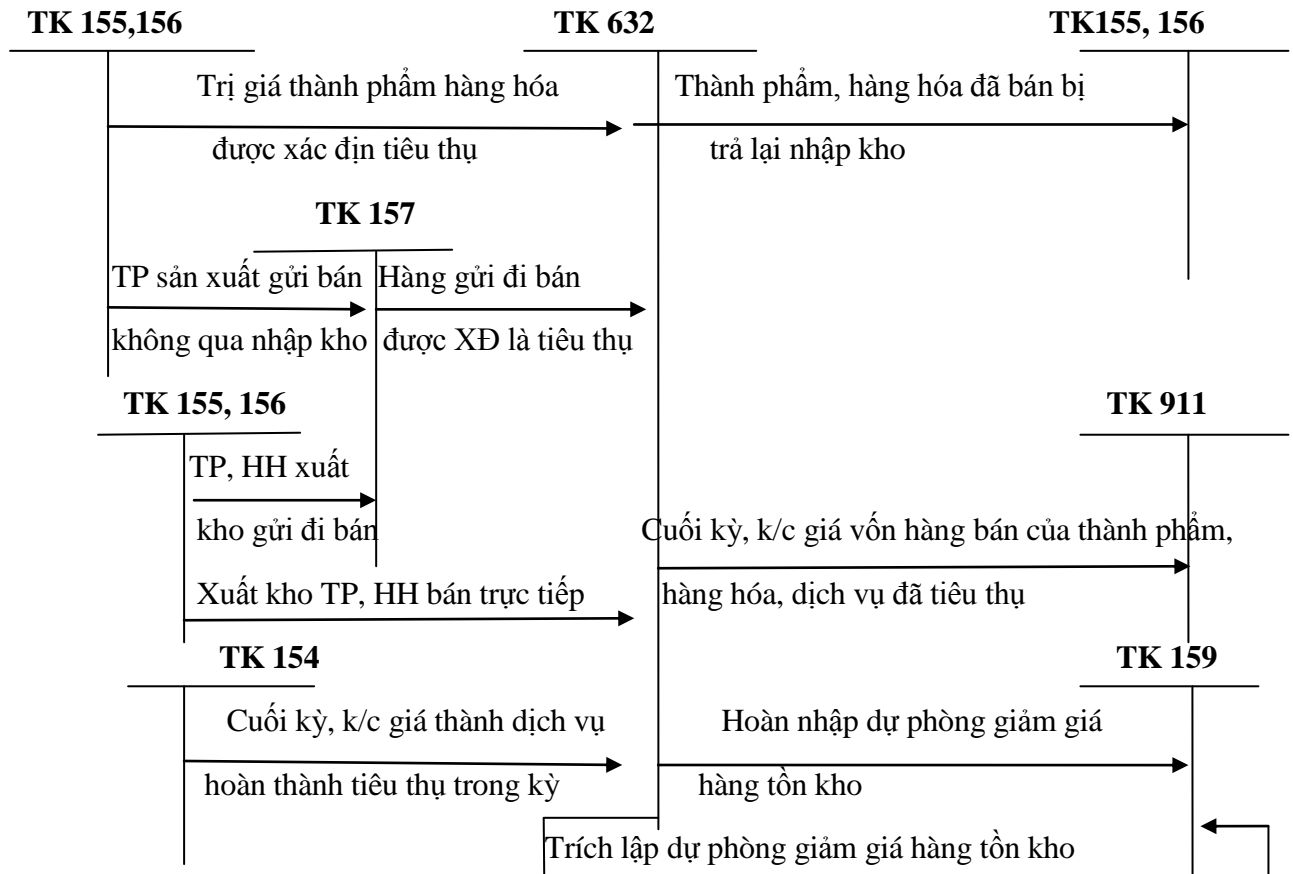
• **Tài khoản sử dụng:** TK 632 – “Giá vốn hàng bán”

+ Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một

cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của hàng hóa trên từng khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

• **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

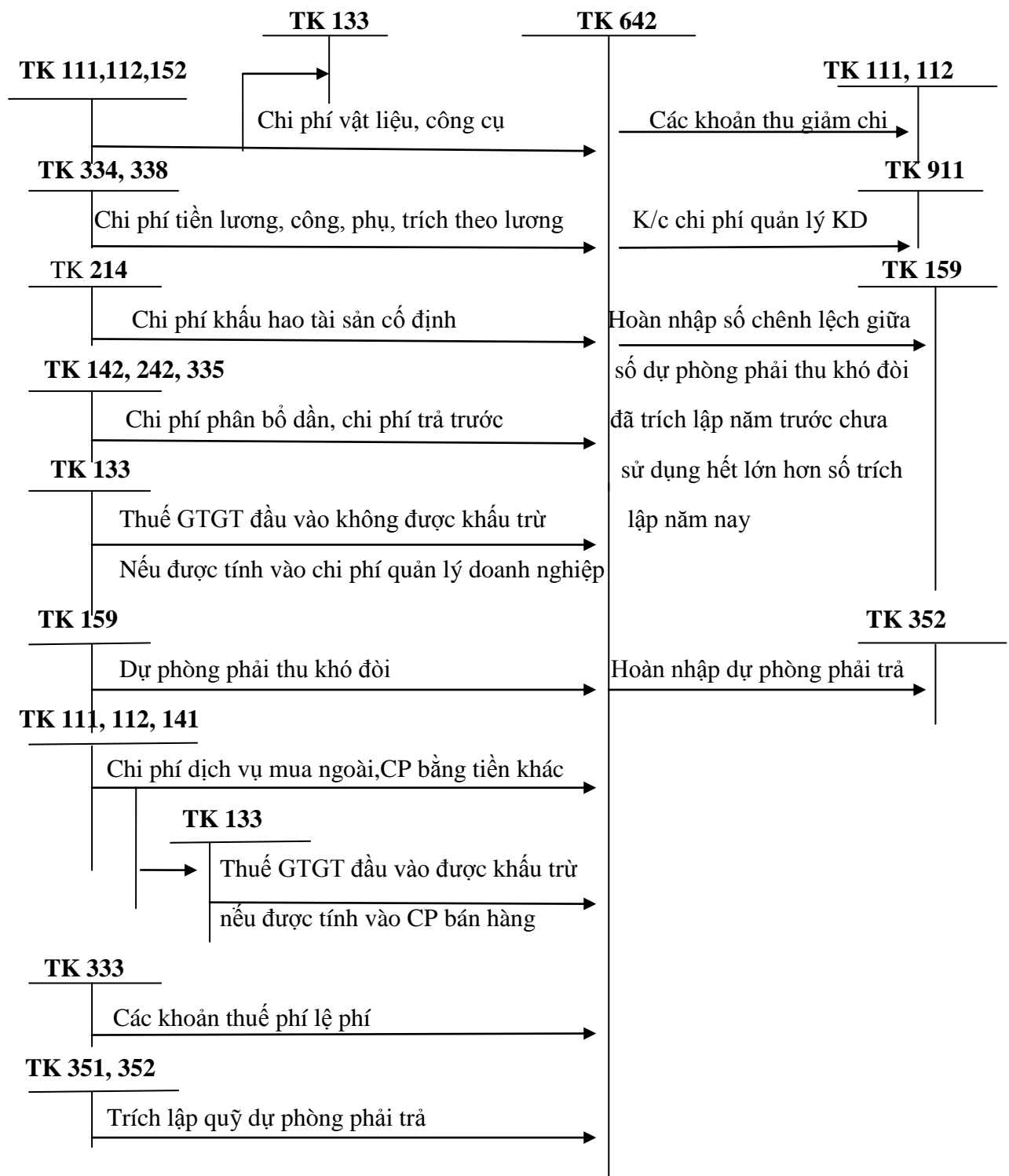


1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

• **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

• **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thu phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

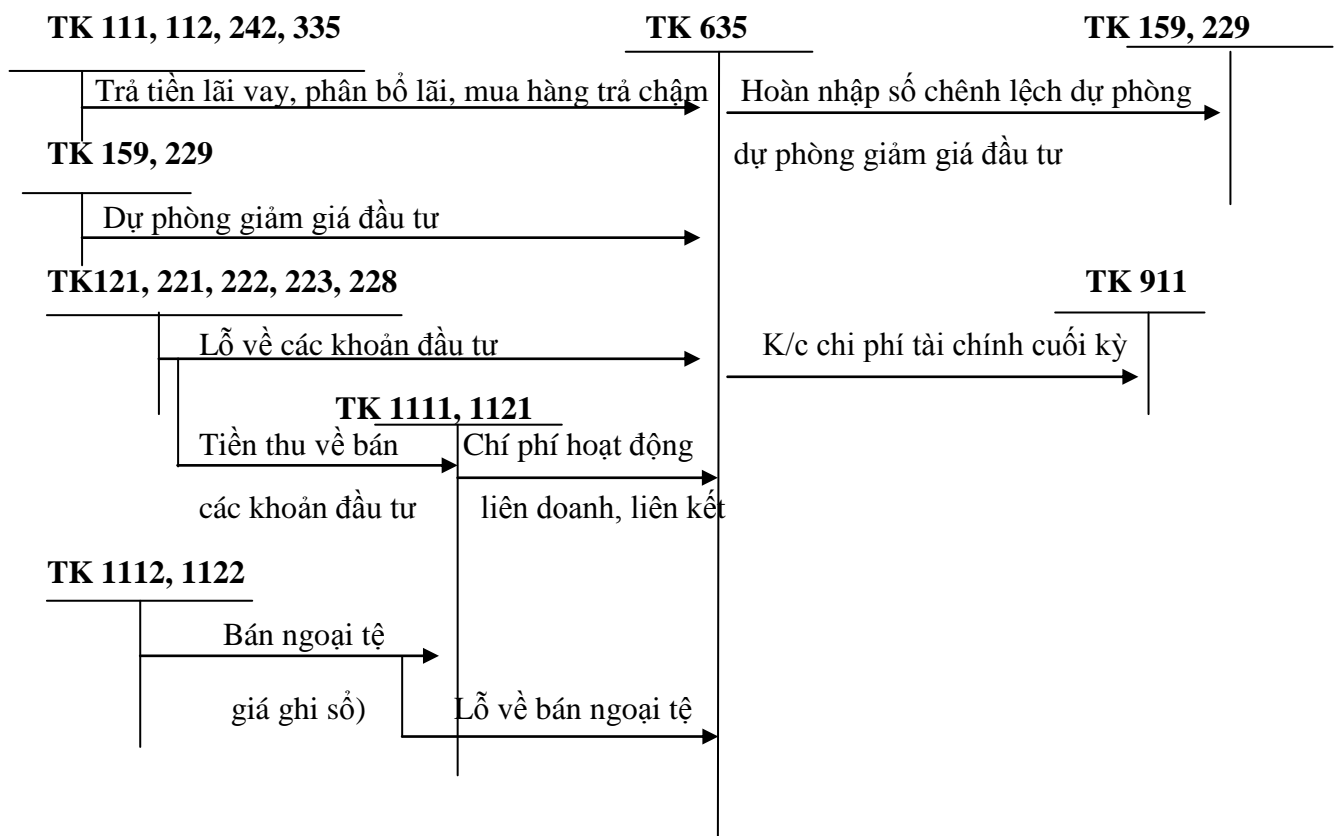
- **Chứng từ sử dụng:**
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi, giấy báo nợ
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
 - Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
 - Bảng thanh toán lương
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”
 - + TK 6421 – “Chi phí bán hàng”
 - + TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”
- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính: gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu chi, phiếu kế toán
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “Chi phí tài chính”
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



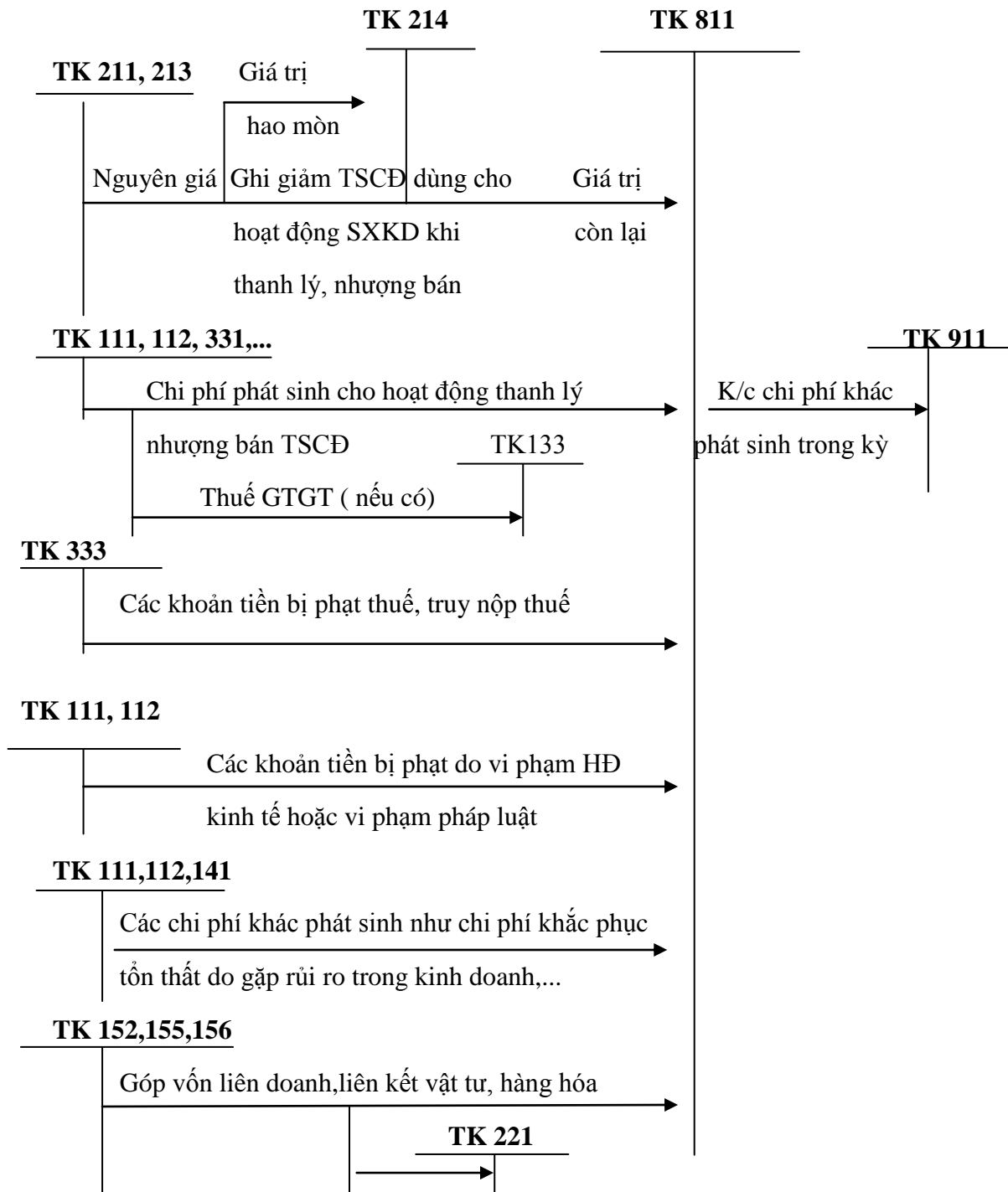
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác

- **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác

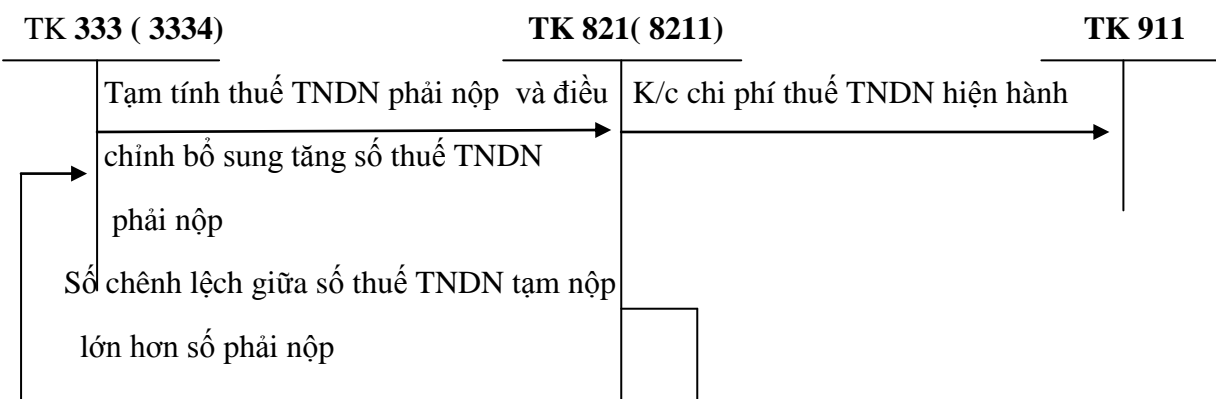


1.4.2.5. *Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** là một loại thuế trực thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện tại
- **Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:**

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$
- **Chứng từ sử dụng**
 - Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:** TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
 + TK 8211 – “Chi phí thuế TNDN hiện hành”
 + TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”
- **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



1.4.3. *Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

- **Kết quả hoạt động kinh doanh :** là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

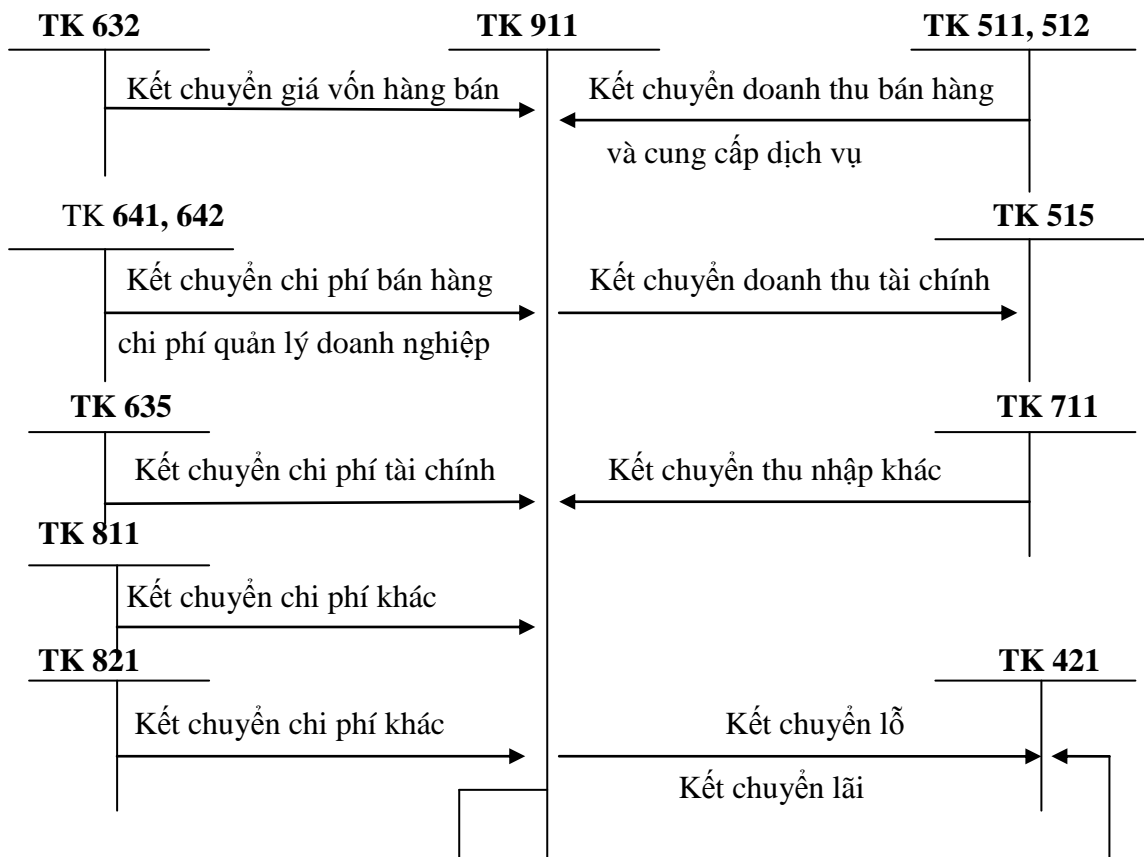
Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng:** TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

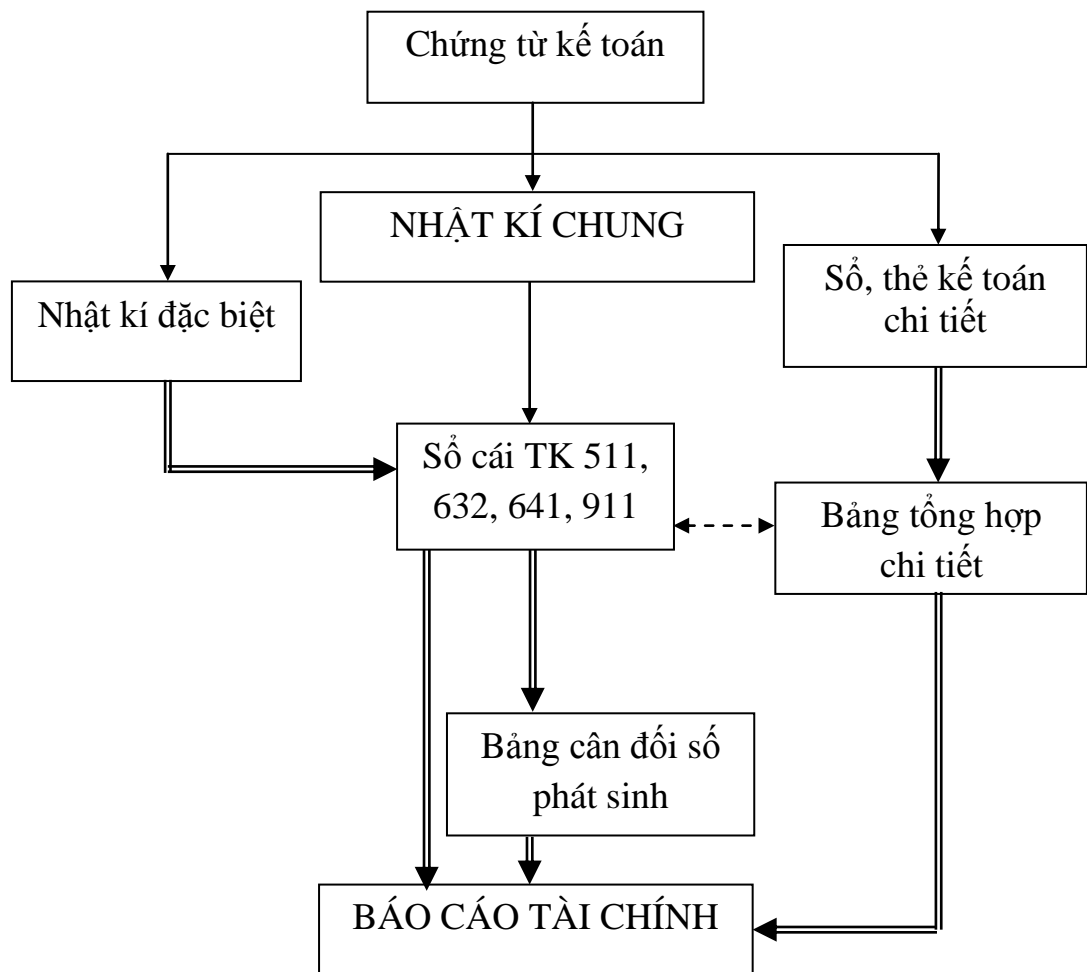
• **Đặc trưng cơ bản:**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các Sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

• **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

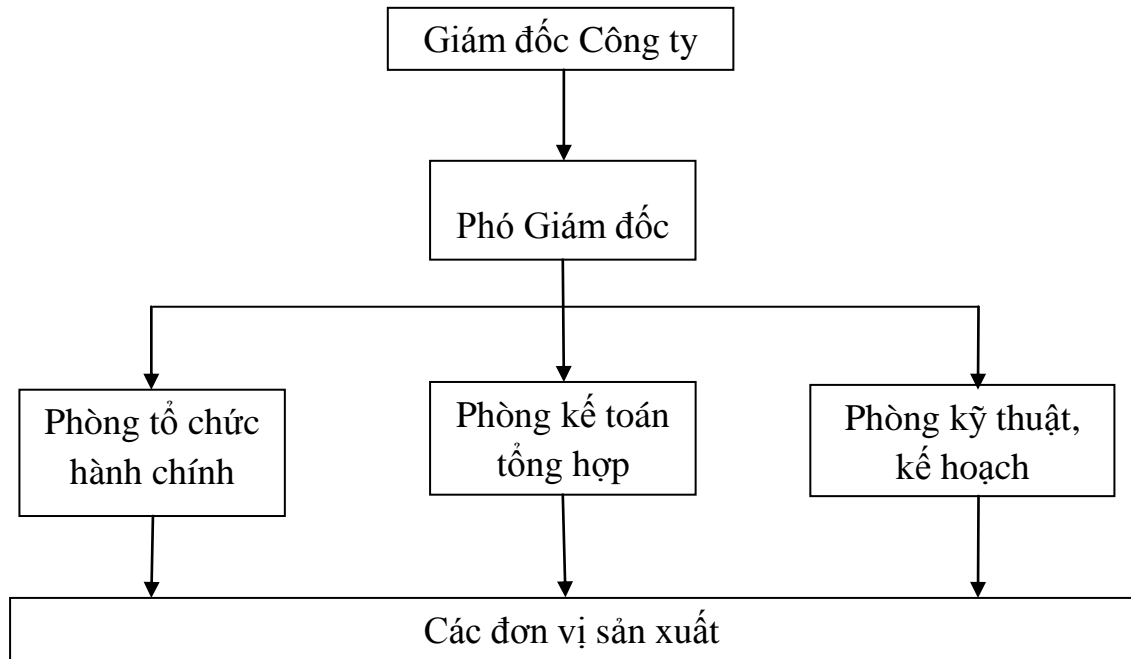
Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh số 0201231818. Đăng kí lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2011, đăng kí thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 05 năm 2014.

- ❖ Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn
- ❖ Vốn điều lệ: 8.500.000.000đ
- ❖ Trụ sở chính: Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 (tại nhà ông Trần Văn Sơn), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- ❖ Điện thoại: 031.3260347 - Fax: 031.3260447
- ❖ Mã số thuế: 0201231818
- ❖ Tài khoản: 2114201004616 – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải An
Tài khoản: 2531100608609 – Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh nam Hải Phòng
- ❖ Chi nhánh tại Hà Nội
Địa chỉ: Bãi Lưu xá, Thôn Bãi, P.Thanh Trì, Q.Hoàng Mai, Hà Nội
Mã số thuế: 0201231818-001
- ❖ Website: <http://www.hoangsoncontainer.vn>

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán container rỗng, container văn phòng
- Cho thuê container
- Sửa chữa container
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ cầu, nâng, hạ hàng hóa; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp:



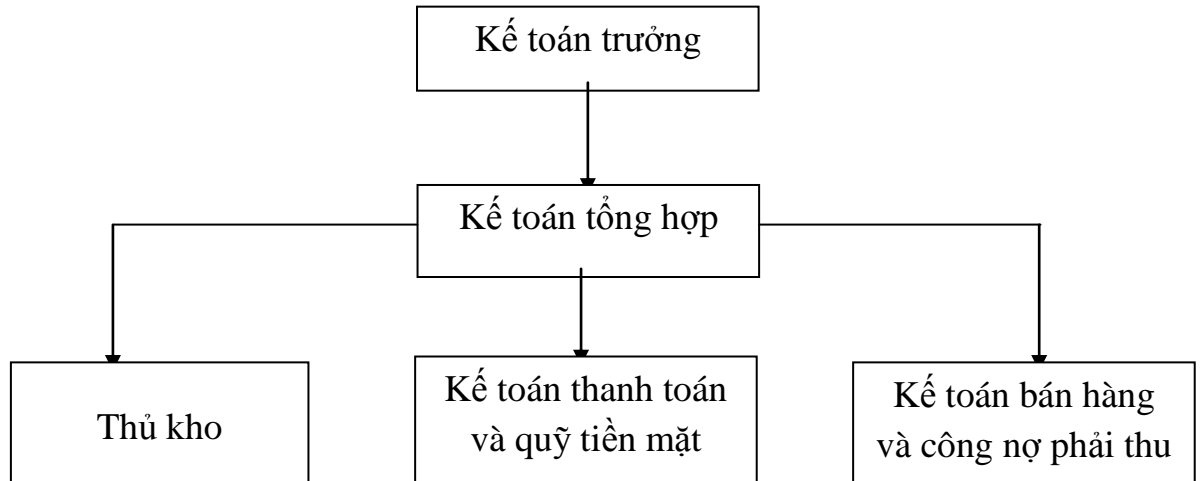
Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

- *Giám đốc công ty*: là người tổ chức điều hành bộ máy quản lý và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị về toàn bộ những nhiệm vụ, quyền hạn đối với hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty.
- *Phó Giám đốc*: là người giúp Giám đốc điều hành công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.
- *Phòng kế hoạch, kỹ thuật*: có chức năng tham mưu cho Giám đốc, xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch dài hạn và hằng năm của công ty. Bộ phận lập kế hoạch sẽ tiến hành thu thập các thông tin cần thiết để tổ chức và lập kế hoạch về tiến độ thi công, về điều động vật tư, container 20, 40 feet và các loại khác để đảm bảo tiến độ sản xuất.
- *Phòng kế toán tổng hợp*: Giúp Giám đốc công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán để từ đó xác định hiệu quả của một thời kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của công ty
- *Phòng tổ chức, hành chính*: Tham mưu cho Giám đốc về việc xây dựng và tổ chức các quy chế, các điều lệ và các hành vi ứng xử trong công ty. Thực hiện các công tác quản lý, chỉ dẫn đôn đốc, kiểm tra đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách đã đề ra đồng thời thực hiện việc thanh tra, bảo vệ,

tối ưu hóa nguồn nhân lực và tạo môi trường làm việc văn minh, ổn định trong công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



- *Kế toán trưởng*: Phụ trách mọi hoạt động của Phòng Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Nhà nước về việc tổ chức, quản lý, ghi chép tài chính của đơn vị theo chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của kế toán trưởng theo quy định tại nghị quyết 26/CP.

- *Kế toán tổng hợp*: Thực hiện các công việc liên quan đến cơ quan thuế, bảo hiểm và ngân hàng; Tính lương và các khoản trích theo lương; Tổng hợp lên giá thành sản phẩm; Lập các Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị; Tổ chức thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán.

- *Kế toán thanh toán và quỹ tiền mặt*: Lập phiếu thu – chi tiền mặt, tiền ngân hàng hàng ngày; Theo dõi nhân sự toàn công ty; Theo dõi công nợ phải trả cho các nhà cung cấp; Thực hiện lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

- *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu*: Theo dõi nhập – xuất – tồn kho container mua, container bán, container cho thuê; Theo dõi các Hợp đồng mua – bán – cho thuê container; Theo dõi chi tiết tiền đặt cọc thuê container của khách hàng; Ra hóa đơn cho khách hàng theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký; Theo dõi công nợ phải thu của từng khách hàng; Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

- *Thủ kho*: Thực hiện việc nhập – xuất kho NVL, vật tư theo đúng định mức; Ghi phiếu xuất – nhập kho cho từng chi tiết theo phiếu yêu cầu; Lập bảng nhập –

xuất – tồn kho NVL, vật tư; Tính giá vốn sản xuất của từng loại sản phẩm để chuyển cho kế toán tổng hợp tính giá thành; Theo dõi container sản xuất để thông báo cho kế toán bán hàng khi container sản xuất hoàn thành; Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

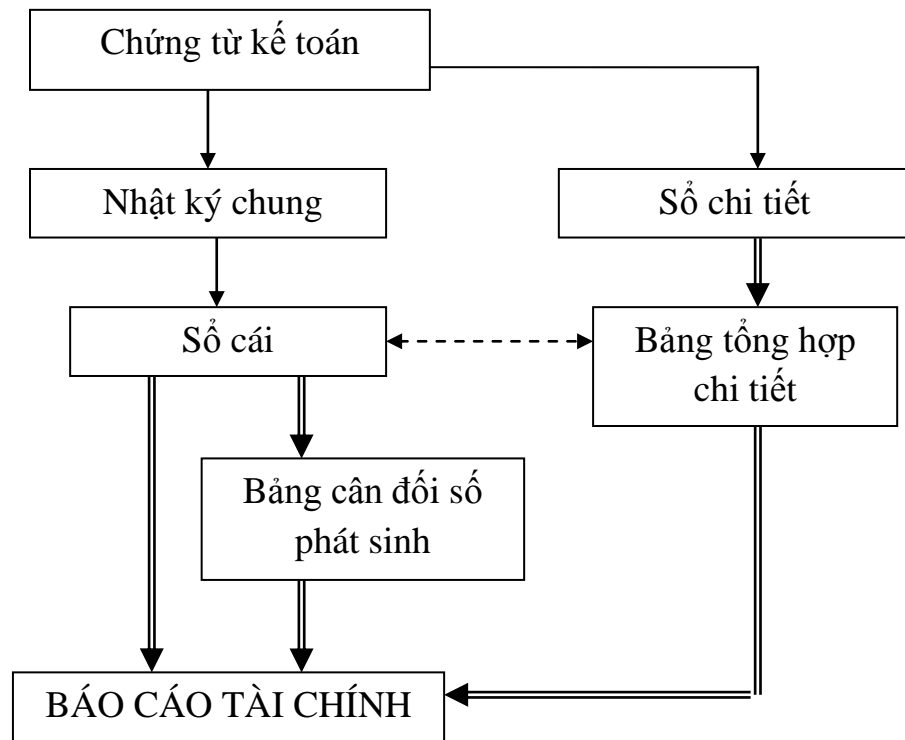
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp thực tế đích danh
- Hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.
- Hệ thống sổ sách bao gồm:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái các tài khoản

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo:

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B-01/DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B-02/DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B-09/DN |

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi hàng ngày: →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra: ↔

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở Sổ kế toán chi tiết thì đồng thời ghi vào các Sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối kỳ, từ Sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết. Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

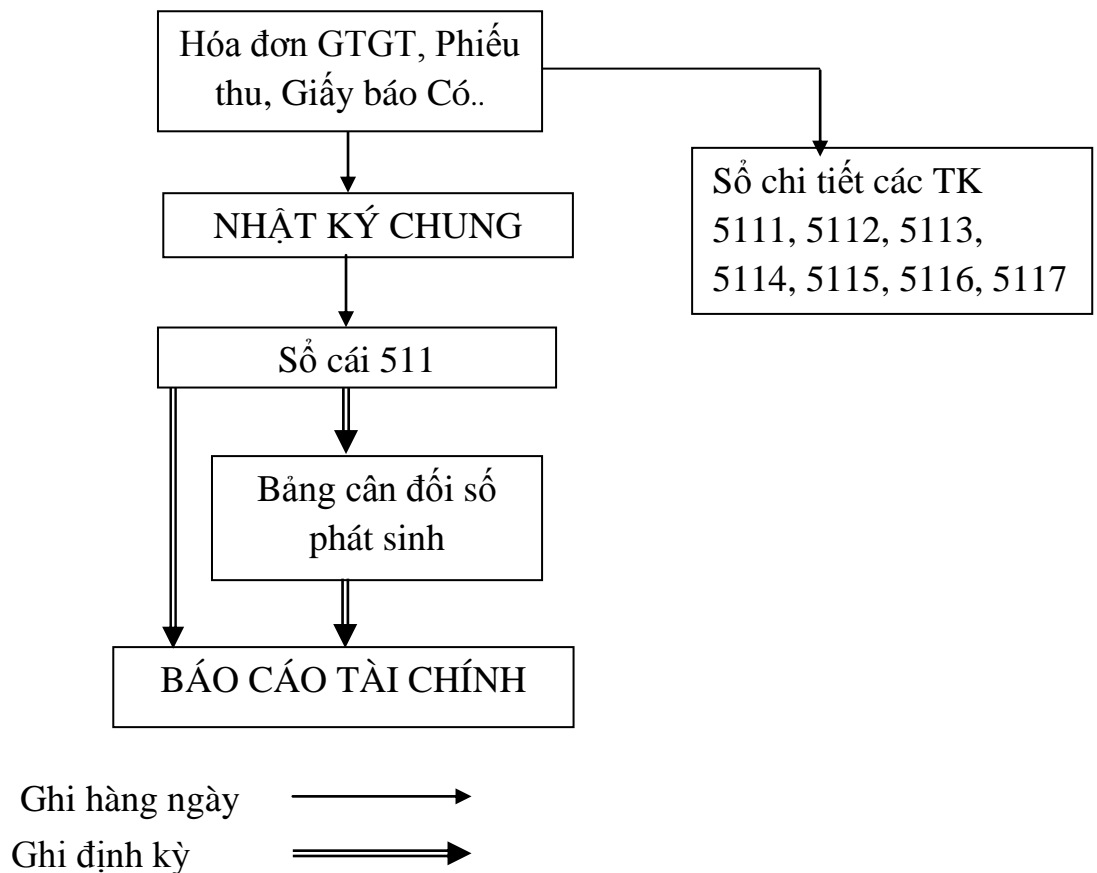
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

- ❖ Doanh thu của công ty chủ yếu từ hoạt động bán container, cho thuê, sửa chữa container và một số hoạt động khác liên quan đến vận tải.
- ❖ Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp
- ❖ Hình thức thanh toán:
 - Tiền mặt
 - Chuyển khoản
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
 - Các chứng từ liên quan khác
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
Trong đó có tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán containerrỗng
 - + TK 5112: Doanh thu bán containervăn phòng
 - + TK 5113: Doanh thu dịch vụ cầu
 - + TK 5114: Doanh thu dịch vụ vận chuyển
 - + TK 5115: Doanh thu dịch vụ nâng hạ
 - + TK 5116: Doanh thu cho thuê container
 - + TK 5117: Doanh thu dịch vụ sửa chữa

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn



Ví dụ 1: Ngày 9/12/2013, kế toán ghi nhận doanh thu bán container rỗng 6' cho Công ty TNHH giải pháp dầu khí Việt Nam số tiền 581.818.182, chưa bao gồm thuế VAT 10%, chưa thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000295 ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 5111

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000295

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001																																								
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/12P																																								
Liên 3: Nội bộ	Số: 0000295																																								
<i>Ngày 09 tháng 12 năm 2013</i>																																									
Đơn vị bán hàng : Công ty CP dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn																																									
MST	: 0201231818																																								
Địa chỉ	: Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 – P. Đông Hải 2 – Q. Hải An – Hải Phòng																																								
Số tài khoản																																									
Điện thoại	: 031.3260347																																								
Họ tên người mua hàng :																																									
Tên đơn vị	: Công ty TNHH giải pháp dầu khí Việt Nam																																								
Địa chỉ	: Tầng 18, Catbi Plaza, Số 01 Lê Hồng Phong – P. Máy Tơ – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng																																								
Số tài khoản	:																																								
Hình thức thanh toán	: MST : 0200934342																																								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Số Lượng</th> <th>Đơn giá</th> <th>Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3= 1*2</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Container rộng 6'</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>581.818.182</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng</td> <td>581.818.182</td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: right;">Thuế suất thuế GTGT 10 %</td> <td colspan="2" style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT</td> <td>58.181.818</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td>640.000.000</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3= 1*2	1	Container rộng 6'				581.818.182	Cộng tiền hàng					581.818.182	Thuế suất thuế GTGT 10 %			Tiền thuế GTGT		58.181.818	Tổng cộng tiền thanh toán					640.000.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền																																				
A	B	C	1	2	3= 1*2																																				
1	Container rộng 6'				581.818.182																																				
Cộng tiền hàng					581.818.182																																				
Thuế suất thuế GTGT 10 %			Tiền thuế GTGT		58.181.818																																				
Tổng cộng tiền thanh toán					640.000.000																																				
<i>Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.</i>																																									
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị																																							
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký, đóng dấu)</i>																																							

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2013, kế toán ghi nhận doanh thu cho Công ty TNHH năng lượng xanh Hoàng Giang thuê container VP 20' số tiền thuê là 5.400.000, chưa bao gồm thuế VAT 10%, chưa thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000296 ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 5116.

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000296

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000296			
<i>Ngày 10 tháng 12 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng : Công ty CP dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn					
MST : 0201231818					
Địa chỉ : Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 – P. Đông Hải 2 – Q. Hải An – Hải Phòng					
Số tài khoản					
Điện thoại : 031.3260347					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH năng lượng xanh Hoàng Giang					
Địa chỉ : 97 Lương Khánh Thiện – Q. Ngô Quyền – HP					
Số tài khoản :					
Hình thức thanh toán : MST : 0201305629					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Thuê container VP 20'				5.400.000
Cộng tiền hàng					5.400.000
Thuế suất thuế GTGT 10 %			Tiền thuế GTGT		540.000
Tổng cộng tiền thanh toán					5.940.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(đã ký)</i>		<i>(đã ký)</i>		<i>(đã ký, đóng dấu)</i>	

Biểu số 2.3: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
09/12	HĐ 295	09/12	Cty giải pháp dầu khí VN mua cont R6', chưa thanh toán	131 5111	581.818.182	581.818.182
09/12	HĐ 295	09/12	Thuế GTGT HĐ295	131 3331	58.181.818	58.181.818
10/12	HĐ 296	10/12	Cty Hoàng Giang thuê cont VP 20'	131 5116	5.400.000	5.400.000
10/12	HĐ 296	10/12	Thuế GTGT HĐ296	131 3331	540.000	540.000
...
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont rỗng năm 2013	5111 911	5.442.181.819	5.442.181.819
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont VP năm 2013	5112 911	1.202.631.912	1.202.631.912
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ cầu năm 2013	5113 911	909.225.461	909.225.461
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ vận chuyển năm 2013	5114 911	679.119.091	679.119.091
31/12	HT	31/12	K/c DT cước nâng hạ năm 2013	5115 911	119.066.363	119.066.363
31/12	HT	31/12	K/c DT cho thuê cont năm 2013	5116 911	684.517.606	684.517.606
31/12	HT	31/12	K/c DT sửa chữa cont năm 2013	5117 911	233.730.353	233.730.353
....
			Tổng cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
09/12	HD 295	09/12	Cty giải pháp dầu khí VN mua cont 6', chưa thanh toán	131		581.818.182
10/12	HD 296	10/12	Cty Hoàng Giang thuê cont VP 20'	131		5.400.000
...
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu bán container rỗng năm 2013	911	5.442.181.819	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu bán cont văn phòng năm 2013	911	1.202.631.912	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu dịch vụ cầu năm 2013	911	909.225.461	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu vận chuyển năm 2013	911	679.119.091	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu cước nâng hạ năm 2013	911	119.066.363	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu cho thuê cont năm 2013	911	684.517.606	
31/12	HT	31/12	K/c doanh thu sửa chữa cont năm 2013		233.730.353	
			Cộng số phát sinh		9.270.472.605	9.270.472.605
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết TK 5111

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢNTài khoản: **5111**

Tên tài khoản: Doanh thu bán container rỗng

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
15/11	HĐ219	15/11	Cty TNHH thương mại và giao nhận Minh Trung mua cont R20'	131		29.000.000
16/11	HĐ221	16/11	Cty TNHH xây lắp cơ điện Toàn Cầu mua cont R40'	131		96.000.000
...
6/12	HĐ292	6/12	Cty TNHH TMDV Thăng Long mua cont R20'	131		70.000.000
8/12	HĐ294	8/12	Cty TNHH Long Hoa mua cont R40'	112		43.000.000
09/12	HĐ295	09/12	Cty giải pháp dầu khí VN mua cont R6'	131		581.818.182
...
31/12	HT	31/12	K/c DT bán container rỗng năm 2013	911	5.442.181.819	
			Cộng phát sinh		5.442.181.819	5.442.181.819
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 : Sổ chi tiết TK 5116

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢNTài khoản: **5116**

Tên tài khoản: Doanh thu cho thuê container

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
9/8	HĐ132	9/8	Cty CP vật liệu Gia Nguyễn thuê cont R20'	131		1.700.000
10/8	HĐ133	10/8	CN Cty TNHH dịch vụ Hà thiên thuê cont R40'	1111		3.750.000
12/8	HĐ141	12/8	Cty CP vận tải biển VISC thuê cont VP20'	131		9.000.000
13/8	HĐ145	13/8	Cty TNHH Siemens thuê 02 cont VP40'	131		48.000.000
...
10/12	HĐ296	10/12	Cty Hoàng Giang thuê cont VP20'	131		5.400.000
...
31/12	HT	31/12	K/c DT cho thuê container năm 2013	911	684.517.606	
			Cộng phát sinh		684.517.606	684.517.606
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

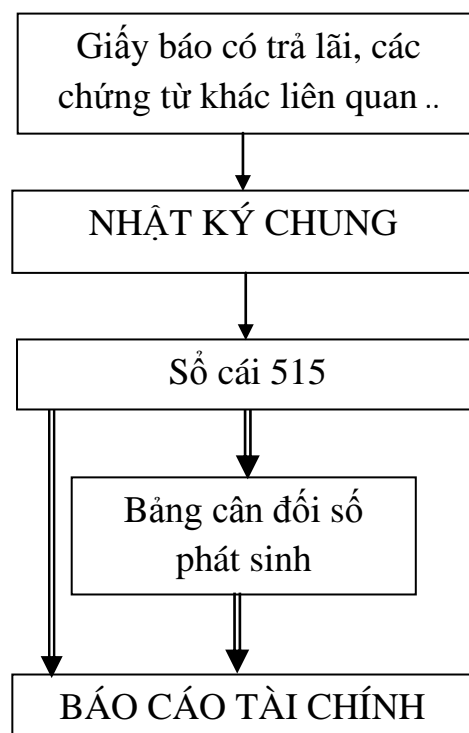
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - + TK 112 – “Tiền gửi ngân hàng”
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có trả lãi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối kỳ \Longrightarrow


Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2013, Công ty nhận Giấy báo có trả lãi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hải An về lãi tiền gửi tháng 12/2013 được hưởng là 35.286

Căn cứ vào Giấy báo có trả lãi, kế toán lập phiếu hạch toán ghi nhận lãi tiền gửi tháng 12. Từ phiếu hạch toán ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 515.

Biểu số 2.7: Giấy báo Có trả lãi

31/12/2013	
 <h2 style="margin: 0;">GIẤY BÁO CÓ TRẢ LÃI</h2>	
<p>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam</p> <p>CN Quận Hải An</p> <p>Kính gửi: Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn</p> <p>Hiện nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng như sau:</p> <p>Số tài khoản: 2114201004616</p> <p>Số tiền bằng số: 35.286</p> <p>Số tiền bằng chữ: ba mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng./.</p> <p>Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 12 tại Ngân hàng Agribank Hải An</p>	
<p>Người lập biểu</p> <p>(Đã ký)</p>	<p>Kiểm soát</p> <p>(Đã ký)</p>

Biểu số 2.8: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Nhận lãi tiền gửi Agribank tháng 12	112	515	35.286
Cộng			35.286

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
09/12	HĐ 295	09/12	Cty giải pháp dầu khí VN mua cont R6', chưa thanh toán	131 5111	581.818.182	581.818.182
09/12	HĐ 295	09/12	Thuế GTGT HĐ295	131 3331	58.181.818	58.181.818
...
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ Agribank tháng 12	112 515	35.286	35.286
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ MB tháng 12	112 515	23.733	23.733
31/12	HT	31/12	K/c DT hoạt động tài chính năm 2013	515 911	821.886	821.886
....
			Cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ cái TK 515

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 515:** Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
30/11	HT	30/11	Nhận lãi tiền gửi từ Agribank tháng 11	112		33.872
30/11	HT	30/11	Nhận lãi tiền gửi từ MB tháng 11	112		31.806
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ Agribank tháng 12	112		35.286
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ MB tháng 12	112		23.733
31/12	HT	31/12	Kc DT hoạt động tài chính	911	821.886	
			Cộng số phát sinh		821.886	821.886
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác

❖ Nội dung:

- Thu từ nhượng bán tài sản cố định
- Các khoản thu khác

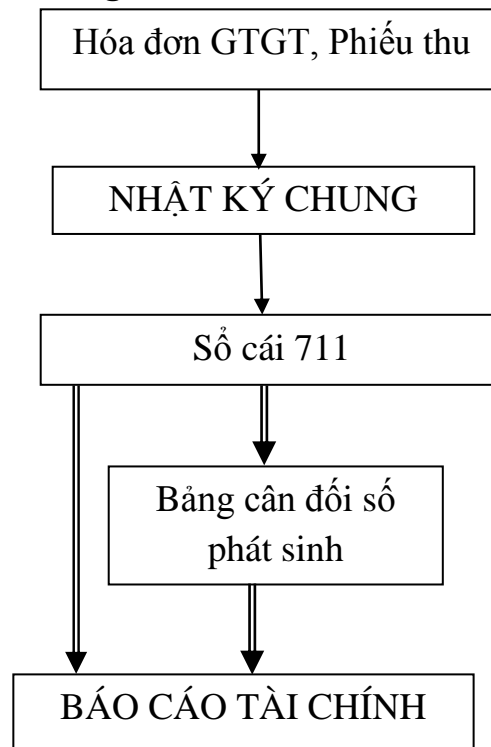
❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác”

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn




Chú giải: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇨

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi số liệu vào Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 711. Cuối kỳ, từ Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 25/12/2013, Ngân hàng MB trả lãi từ món 26.000.000 mà công ty ký quỹ tại ngân hàng để ngân hàng bảo lãnh có điện thấp sáng.

Biểu số 2.11:

		PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN		
		Từ ngày 26/11/2013 Đến ngày 25/12/2013		
Khách hàng:		1107607 – CTY CP DV VT CONTAINER HOÀNG SƠN		
Tài khoản :		2531100608609	Nguyên tệ: VND	
Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2014	30	26.000.000	0.30	19.957
Tổng tiền				19.957
<i>Bằng chữ: Mười chín ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng.</i>				
TK trích nợ: PL50000				
TK ghi có : 2531100608009				
			Ngày lập phiếu, 25/12/2013	
Người lập biểu		Kiểm soát	Giám đốc	
(Đã ký)		(Đã ký)	(Đã ký, đóng dấu)	

Biểu số 2.12: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Nhận lãi từ món 26.000.000	112	711	19.957
Cộng			19.957

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
25/12	HT	25/12	Nhận lãi từ món 26.000.000	112 711	19.957	19.957
...
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ Agribank tháng 12	112 515	35.286	35.286
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ MB tháng 12	112 515	23.733	23.733
31/12	HT	31/12	K/c thu nhập khác năm 2013	711 911	215.831	215.831
....
			Cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 711

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 711: Thu nhập khác**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
25/12	HT	25/12	Nhận lãi từ món 26.000.000	112		19.957
31/12	HT	31/12	K/c thu nhập khác năm 2013	911	215.831	
			Cộng số phát sinh		215.831	215.831
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2. *Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác*

2.2.2.1. *Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán*

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 – “Giá vốn hàng bán”

- + TK 6321: Giá vốn container rỗng
- + TK 6322: Giá vốn container văn phòng
- + TK 6323: Giá vốn dịch vụ cầu
- + TK 6324: Giá vốn dịch vụ vận chuyển
- + TK 6325: Giá vốn dịch vụ nâng hạ
- + TK 6326: Giá vốn container cho thuê
- + TK 6327: Giá vốn dịch vụ sửa chữa

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

- Đối với giá vốn sản phẩm container (container rỗng, container văn phòng): Kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.
- Đối với giá vốn dịch vụ cầu: Khi phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ cầu như chi phí tiền dầu, chi phí nhân công cầu, khấu hao... kế toán tập hợp vào sổ chi tiết TK 1543. Cuối kỳ kết chuyển một lần từ 1543 sang 6323 để xác định giá vốn dịch vụ cầu.
- Đối với giá vốn dịch vụ vận chuyển: Khi phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển như chi phí thuê vận chuyển từ đơn vị khác, kế toán tập hợp vào sổ chi tiết TK 1544. Cuối kỳ kết chuyển một lần từ 1544 sang 6324 để xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển.
- Đối với giá vốn dịch vụ nâng hạ: Khi phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ nâng hạ như chi phí thuê nâng hạ từ đơn vị khác, kế toán tập hợp vào sổ chi tiết TK 1545. Cuối kỳ kết chuyển một lần từ 1545 sang 6325 để xác định giá vốn dịch vụ nâng hạ.

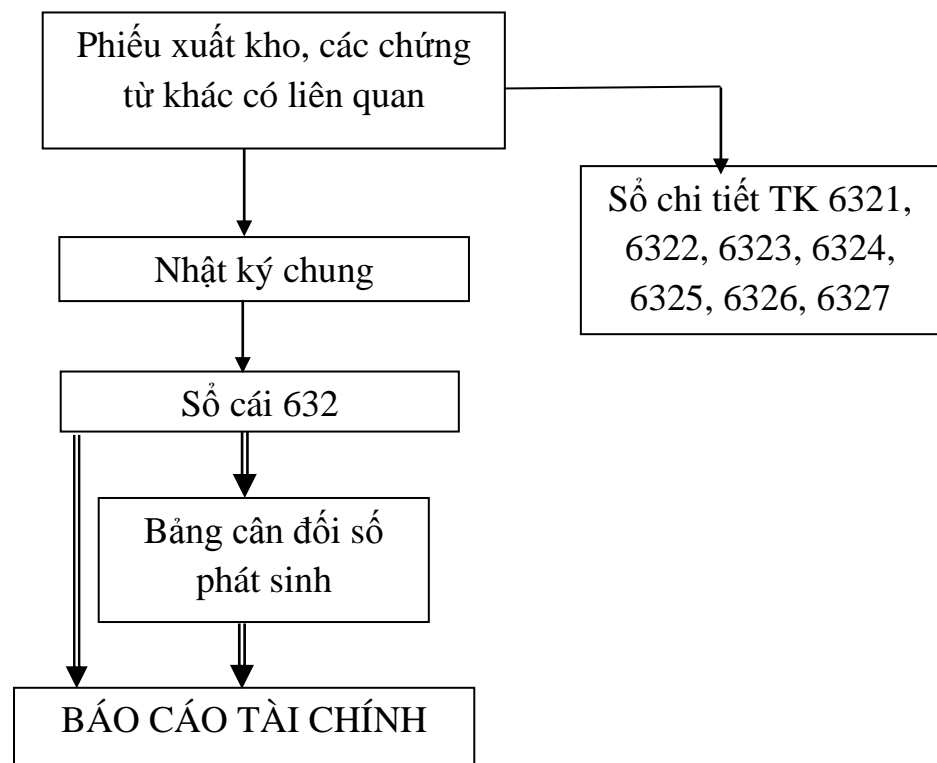
- Đối với giá vốn container cho thuê: Giá vốn container cho thuê sẽ được tính là:

$$\text{Giá vốn cho thuê} = \frac{\text{Giá gốc container}}{7 \times 12}$$

- Đối với giá vốn dịch vụ sửa chữa: Khi phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ sửa chữa như nguyên vật liệu, nhân công sửa chữa, kế toán tập hợp vào sổ chi tiết TK 1547. Cuối kỳ kết chuyển một lần từ 1547 sang 6327 để xác định giá vốn dịch vụ sửa chữa.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn



Chú giải: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇨

Ví dụ 1: Ngày 9/12/2013, xuất kho container rỗng 6' bán cho Cty TNHH giải pháp dầu khí Việt Nam theo HĐ0000295

Kế toán lập phiếu xuất kho 09/12. Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 632 và Sổ chi tiết TK 6321.

Biểu số 2.15: Phiếu xuất kho

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Số:09/12

Người nhận: Nguyễn Hoàng Minh

Đơn vị: Công ty TNHH giải pháp dầu khí Việt Nam

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Kho

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Container 6'	Chiếc	01	536.758.386	536.758.386
	Cộng				536.758.386

Ngày 09 tháng 12 năm 2013

Người lập Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2013, kế toán căn cứ số liệu trên Sổ chi tiết TK 1544 để kết chuyển sang TK 6324 nhằm xác định giá vớndịch vụ vận chuyển.

Biểu số 2.16 : Sổ chi tiết TK 1544

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1544 Tên tài khoản: Chi phí vận chuyển
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
....
28/06	HĐ 115	28/06	Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty CP vận tải TM XNK HP	1111	4.727.272	
09/07	HĐ 705	09/07	Thanh toán tiền cước vận chuyển Cty CP Vạn Niên	1111	16.000.000	
10/07	HĐ 227	10/07	Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty TNHH TMDV VT Minh Giang	1111	2.400.000	
...
11/12	HĐ 642	11/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty CP Đăng Phong	1111	2.800.000	
27/12	HĐ 64	27/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty TNHH TM và giao nhận Minh Trung	1111	15.000.000	
...
31/12	HT	31/12	K/c chi phí vận chuyển	6324		531.209.090
			Cộng phát sinh		531.209.090	531.209.090
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí vận chuyển năm 2013	6324	1544	531.209.090
Cộng			531.209.090

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
09/12	PX	09/12	Xuất kho cont R6' bán cho Cty giải pháp dầu khí VN	6321	536.758.386	536.758.386
	09/12			156		
09/12	295	09/12	Cty giải pháp dầu khí VN mua cont R6', chưa thanh toán	131 5111	581.818.182	581.818.182
09/12	295	09/12	Thuế GTGT HD295	131 3331	58.181.818	58.181.818
...
11/12	642	11/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Cty CP Đăng Phong	1544 1111	2.800.000	2.800.000
...
31/12	HT	31/12	K/c chi phí vận chuyển	6324	531.209.090	531.209.090
				1544		
...
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rộng năm 2013	911 6321	4.524.414.880	4.524.414.880
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont VP năm 2013	911 6322	1.054.738.195	1.054.738.195
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ cầu năm 2013	911 6323	805.218.915	805.218.915
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2013	911 6324	531.209.090	531.209.090
....
			Cộng phát sinh		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 632

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 632: Giá vốn hàng bán**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
09/12	PX 09/12	09/12	Xuất kho cont R6' bán cho Cty TNHH giải pháp dầu khí VN	156	536.758.386	
...
24/12	PX 24/12	24/12	Xuất cont R20' bán cho Cty 142 HD 17	156	20.750.000	
25/12	PX 25/12	25/12	Xuất cont R40' bán cho Cty Thăng Long HD 173	156	80.000.000	
...
31/12	HT	31/12	K/c chi phí vận chuyển năm 2013	1544	531.209.090	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rỗng năm 2013	911		4.524.414.880
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont VP năm 2013	911		1.054.738.195
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ cầu năm 2013	911		805.218.915
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2013	911		531.209.090
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ nâng hạ năm 2013	911		94.388.399
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont cho thuê năm 2013	911		526.248.339
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ sửa chữa năm 2013	911		215.284.780
			Cộng số phát sinh		7.751.502.598	7.751.502.598
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết TK 6321

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321 Tên tài khoản: Giá vốn container rỗng
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
09/12	PX 09/12	09/12	Xuất kho cont R6' bán cho Cty TNHH giải pháp dầu khí VN	156	536.758.386	
...
24/12	PX 24/12	24/12	Xuất cont R20' bán cho Cty 142 HD 17	156	20.750.000	
25/12	PX 25/12	25/12	Xuất cont R40' bán cho Cty Thăng Long HD 173	156	80.000.000	
....
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rỗng năm 2013	911		4.524.414.880
			Cộng phát sinh		4.524.414.880	4.524.414.880
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21 : Sổ chi tiết TK 6324

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6324 Tên tài khoản: Giá vốn dịch vụ vận chuyển

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
31/12	HT	31/12	K/c chi phí vận chuyển	1544	531.209.090	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rỗng năm 2013	911		531.209.090
			Cộng phát sinh		531.209.090	531.209.090
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí quản lý kinh doanh

❖ Chi phí quản lý kinh doanh là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng phẩm, thuế phí, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, internet, bảo hiểm tài sản cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, công tác phí)

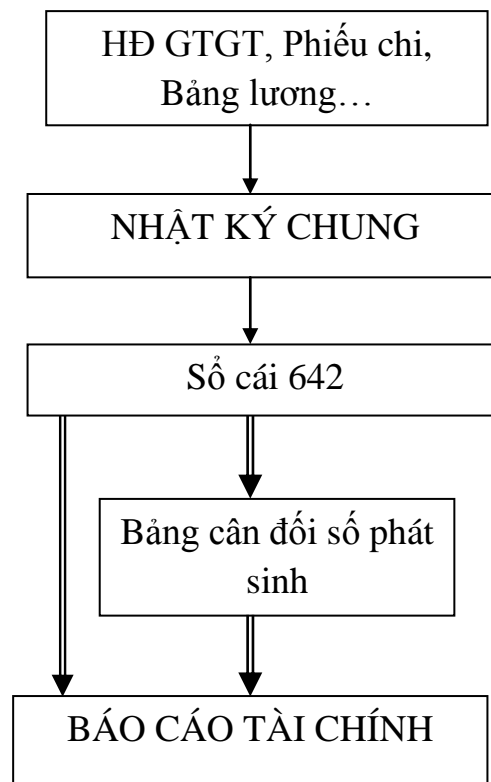
❖ Chứng từ sử dụng:

- HĐ GTGT
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn



Ghi chú: Ghi hàng ngày →


Ghi cuối kỳ ⇨

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính

Ví dụ: Ngày 01/12/2013, Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cho Chi nhánh Viettel Hải Phòng theo HD 2137097, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ Hóa đơn GTGT số 2137097 ghi số liệu vào Nhật ký chung và Sổ cái TK 642.

Biểu số 2.22:

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số: 01GTKT3/003		
		Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AE/13T		
				Số: 2137097		
TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI						
Số 1 đường Trần hữu Dục, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam						
MST: 0100109106						
Số TK:			Tại ngân hàng:			
Đơn vị thu: CN Viettel Hải Phòng – Tập đoàn Viễn thông Quân đội						
Tên khách hàng :			MST: 0201231818			
Tên đơn vị : Công ty CP dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn						
Địa chỉ : Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An - HP						
Số thuê bao: 983298356			Kỳ cước: từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/11/2013			
Số hợp đồng: 09355/2200280002/21072012			Hình thức thanh toán: Tiền mặt :			
STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1 x 2	4 = 1+3
1	Cước chịu thuế	M	894.069	10	89.407	983.476
2	Cước không chịu thuế	M	0			
Cộng			894.069		89.407	983.476
Tổng cộng tiền thanh toán:						
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng.</i>						
Người nộp tiền			Ngày 01 tháng 12 năm 2013			
(đã ký)			Nhân viên giao dịch			
(đã ký)			(đã ký)			

Biểu số 2.23: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
01/12	HD 2137097	01/12	Thanh toán tiền cước điện thoại cho CN Viettel HP	642 1111	894.069	894.069
01/12	HD 2137097	01/12	Thuế GTGT cước điện thoại	133 1111	89.407	89.407
02/12	HT	02/12	Phí ngân hàng MB	642 112	24.000	24.000
02/12	HT	02/12	Thuế GTGT	133 112	2.400	2.400
04/12	HT	04/12	Chi phí trả trước dài hạn	642 242	17.228.628	17.228.628
...
18/12	HĐ 0287115	18/12	Thanh toán tiền điện cho CN Điện lực Hải An	642 1111	6.608.751	6.608.751
18/12	HĐ 0287115	18/12	Thuế GTGT	133 1111	660.875	660.875
31/12	HT	31/12	K/c CP QL năm 2013	642 911	1.484.397.435	1.484.397.435
...
			Tổng cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 642

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
01/12	HD 2137097	01/12	Thanh toán tiền cước điện thoại cho CN Viettel HP	1111	894.069	
02/12	HT	02/12	Phí ngân hàng MB	112	24.000	
04/12	HT	04/12	Chi phí trả trước dài hạn	242	17.228.628	
...
18/12	HD 0287115	18/12	Thanh toán tiền điện cho CN Điện lực Hải An	1111	6.608.751	
...
31/12	HT	31/12	K/c CP QL năm 2013	911		1.484.397.435
			Cộng phát sinh		1.484.397.435	1.484.397.435
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

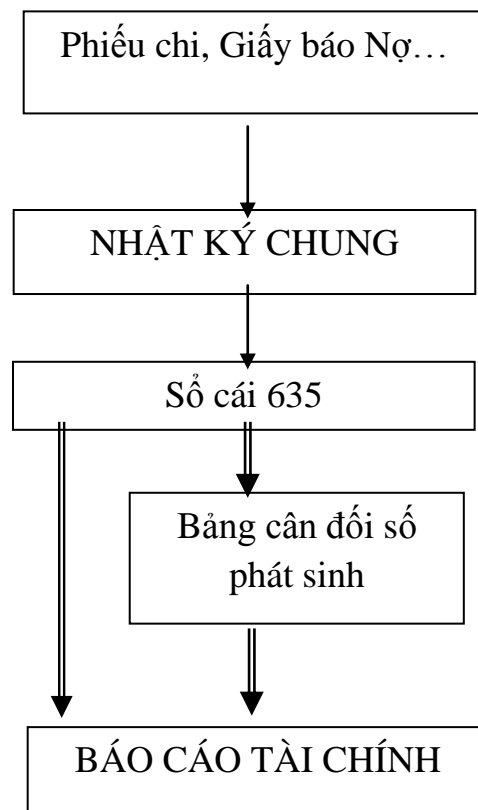
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

- ❖ Nội dung: Chủ yếu là lãi vay phải trả cho ngân hàng
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo Nợ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn




Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối kỳ ==>

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/12/2013, Công ty nhận được Giấy báo Nợ của Ngân hàng Agribank – CN Hải An về việc trả lãi vay, số tiền 7.704.106

Căn cứ vào Giấy báo Nợ, kế toán ghi vào Nhật ký chung và Sổ cái TK 635.

Biểu số 2.25.: Giấy báo Nợ về trả lãi tiền vay

	<h2>GIẤY BÁO NỢ</h2> <p>Ngày 30 tháng 12 năm 2013</p> <p>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam CN Quận Hải An</p> <p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN Địa chỉ: Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 – P. Đông Hải 2 – Q. Hải An – Hải Phòng Tài khoản số: 2114201004616</p> <p>Nội dung: Lãi vay tháng 12 Số tiền: 7.704.106</p> <p><i>Viết bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm linh bốn ngàn một trăm linh sáu đồng.</i></p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Giao dịch viên (Đã ký)</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Kiểm soát (Đã ký)</td> </tr> </table>	Giao dịch viên (Đã ký)	Kiểm soát (Đã ký)	
Giao dịch viên (Đã ký)	Kiểm soát (Đã ký)			
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: center;">PHÂN DO NGÂN HÀNG GHI</td> </tr> <tr> <td>TK NỢ:</td> </tr> <tr> <td>TK CÓ:</td> </tr> </table>	PHÂN DO NGÂN HÀNG GHI	TK NỢ:	TK CÓ:
PHÂN DO NGÂN HÀNG GHI				
TK NỢ:				
TK CÓ:				

Biểu số 2.26: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tiền lãi vay ngân hàng Agri tháng 12	635	112	7.704.106
Cộng			7.704.106

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
18/12	HD 0287115	18/12	Thanh toán tiền điện cho Cty Điện lực	642 1111	6.608.751	
...
30/12	HT	30/12	Tiền lãi vay ngân hàng	635 112	7.704.106	7.704.106
31/12	HT	31/12	K/c chi phí tài chính năm 2013	911 635	38.744.380	38.744.380
....
			Tổng cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 635

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 635: Chi phí tài chính**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
30/12	HT	30/12	Tiền lãi vay ngân hàng	112	7.704.106	
31/12	HT	31/12	K/c chi phí tài chính năm 2013	911		38.744.380
			Cộng số phát sinh		38.744.380	38.744.380
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác

❖ Nội dung: Chi phí khác của các doanh nghiệp gồm:

- Bị phạt thuế
- Hạch toán giá trị còn lại thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Các khoản chi phí khác

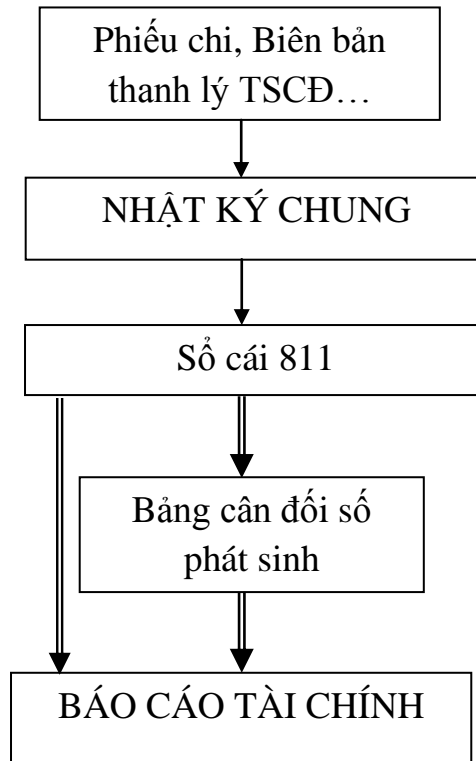
❖ Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 – “Chi phí khác”

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇨

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung, và từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 811. Cuối kỳ, từ các số liệu tổng hợp từ Sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Trong kỳ, không có hoạt động kinh tế phát sinh đối với TK 811

2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
- ❖ Bên Nợ: + Kết chuyển giá vốn hàng bán
 - + Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
 - + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
 - + Kết chuyển chi phí khác
 - + Kết chuyển chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
 - + Kết chuyển lãi
- ❖ Bên Có: + Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
 - + Kết chuyển thu nhập khác
 - + Kết chuyển lỗ
 - TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”
 - TK 821 – “Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp”

Ví dụ: Ngày 31/12/2013, kế toán thực hiện kết chuyển lãi lỗ toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2013.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: **9.270.472.605**

+ Giá vốn hàng bán: **7.751.502.598**

+ Doanh thu hoạt động tài chính: **821.886**

+ Chi phí tài chính: **38.744.380**

+ Chi phí quản lý kinh doanh: **1.484.397.435**

+ Thu nhập khác: **215.831**

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng bán + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh + Thu nhập khác

$$\Rightarrow \text{Lợi nhuận trước thuế} = 9.270.472.605 - 7.751.502.598 + 821.886 - 38.744.380 - 1.484.397.435 + 215.831$$

$$\Rightarrow \text{Lợi nhuận trước thuế} = -3.134.091 < 0 \Rightarrow \text{lỗ}$$

Căn cứ vào các Phiếu hạch toán, kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chung, từ đó ghi vào Sổ cái TK 911 và các Sổ cái khác có liên quan. Từ Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh rồi lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.29: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu bán container rỗng năm 2013	5111	911	5.442.181.819
Cộng			5.442.181.819

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu bán container VP năm 2013	5112	911	1.202.631.912
Cộng			1.202.631.912

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu dịch vụ cầu năm 2013	5113	911	909.225.461
Cộng			909.225.461

Biểu số 2.32: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu dịch vụ vận chuyển năm 2013	5114	911	679.119.091
Cộng			679.119.091

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.33:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu cước nâng hạ năm 2013	5115	911	119.066.363
Cộng			119.066.363

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.34: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu cho thuê container năm 2013	5116	911	684.517.606
Cộng			684.517.606

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.35:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu dịch vụ sửa chữa năm 2013	5117	911	233.730.353
Cộng			233.730.353

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.36:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu hoạt động tài chính năm 2013	515	911	821.886
Cộng			821.886

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.37: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c thu nhập khác năm 2013	711	911	215.831
Cộng			215.831

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.38:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn container rỗng năm 2013	911	6321	4.524.414.880
Cộng			4.524.414.880

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.39:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn container VP năm 2013	911	6322	1.054.738.195
Cộng			1.054.738.195

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.40: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn dịch vụ cầu năm 2013	911	6323	805.218.915
Cộng			805.218.915

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.41:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2013	911	6324	531.209.090
Cộng			531.209.090

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.42:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn dịch vụ nâng hạ năm 2013	911	6325	94.388.399
Cộng			94.388.399

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.43: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn container cho thuê năm 2013	911	6326	526.248.339
Cộng			526.248.339

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.44:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn dịch vụ sửa chữa năm 2013	911	6327	215.284.780
Cộng			215.284.780

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.45:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí tài chính năm 2013	911	635	38.744.380
Cộng			38.744.380

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.46: Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2013	911	642	1.484.397.435
Cộng			1.484.397.435

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.47:** Phiếu hạch toán

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c lỗ năm 2013	421	911	3.134.091
Cộng			3.134.091

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.48: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont rỗng năm 2013	5111 911	5.442.181.819	5.442.181.819
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont VP năm 2013	5112 911	1.202.631.912	1.202.631.912
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ cầu năm 2013	5113 911	909.225.461	909.225.461
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ vận chuyển năm 2013	5114 911	679.119.091	679.119.091
31/12	HT	31/12	K/c DT cước nâng hạ năm 2013	5115 911	119.066.363	119.066.363
31/12	HT	31/12	K/c DT cho thuê cont năm 2013	5116 911	684.517.606	684.517.606
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ sửa chữa năm 2013	5117 911	233.730.353	233.730.353
31/12	HT	31/12	K/c DT hoạt động tài chính năm 2012	515 911	821.886	821.886
31/12	HT	31/12	K/c thu nhập khác năm 2013	711 911	215.831	215.831
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rỗng năm 2013	911 6321	4.524.414.880	4.524.414.880
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont VP năm 2013	911 6322	1.054.738.195	1.054.738.195
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ cầu năm 2013	911 6323	805.218.915	805.218.915
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ vận chuyển năm 2013	911 6324	531.209.090	531.209.090

31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ nâng hạ năm 2013	911 6325	94.388.399	94.388.399
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont cho thuê năm 2013	911 6326	526.248.339	526.248.339
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ sửa chữa năm 2013	911 6327	215.284.780	215.284.780
31/12	HT	31/12	K/c chi phí tài chính năm 2013	911 635	38.744.380	38.744.380
31/12	HT	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2013	911 642	1.484.397.435	1.484.397.435
31/12	HT	31/12	K/c lỗ năm 2013	421 911	3.134.091	3.134.091
			Tổng cộng		110.512.372.899	110.512.372.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.49: Sổ cái TK 911

Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn
Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

ĐVT: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont rỗng năm 2013	5111		5.442.181.819
31/12	HT	31/12	K/c DT bán cont VP năm 2013	5112		1.202.631.912
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ cầu năm 2013	5113		909.225.461
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ vận chuyên năm 2013	5114		679.119.091
31/12	HT	31/12	K/c DT cước nâng hạ năm 2013	5115		119.066.363
31/12	HT	31/12	K/c DT cho thuê cont năm 2013	5116		684.517.606
31/12	HT	31/12	K/c DT dịch vụ sửa chữa năm 2013	5117		233.730.353
31/12	HT	31/12	K/c DT hoạt động tài chính năm 2013	515		821.886
31/12	HT	31/12	K/c thu nhập khác năm 2013	711		215.831
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont rỗng năm 2013	6321	4.524.414.880	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont VP năm 2013	6322	1.054.738.195	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ cầu năm 2013	6323	805.218.915	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ vận chuyên năm 2013	6324	531.209.090	

31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ nâng hạ năm 2013	6325	94.388.399	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn cont cho thuê năm 2013	6326	526.248.339	
31/12	HT	31/12	K/c giá vốn dịch vụ sửa chữa năm 2013	6327	215.284.780	
31/12	HT	31/12	K/c chi phí tài chính năm 2013	635	38.744.380	
31/12	HT	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2013	642	1.484.397.435	
31/12	HT	31/12	K/c lỗ năm 2013	421		3.134.091
			Cộng số phát sinh		9.274.644.413	9.274.644.413
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.50: Báo cáo B02Bộ báo cáo: **48/2006/QĐ-BTC**Đơn vị báo cáo: **CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN**Địa chỉ: **Tổ dân phố Hạ Đoạn 2, Đông Hải 2, Hải An, Hải phòng****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9,270,472,605	1,066,125,890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9,270,472,605	1,066,125,890
4. Giá vốn hàng bán	11		7,751,502,598	862,078,542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,518,970,007	204,047,348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		821,886	478,612
7. Chi phí tài chính	22		38,744,380	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1,484,397,435	212,802,982
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(3,349,922)	(8,277,022)
10. Thu nhập khác	31		215,831	
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		215,831	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(3,134,091)	(8,277,022)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(3,134,091)	(8,277,022)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI CONTAINER HOÀNG SƠN

3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó, việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng. Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của tổ chức kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy, cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải bám sát thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.2. Nguyên tắc của việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty phải dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình

hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

+ Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

3.2.1. Những ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của công ty.

- Toàn bộ công việc như hạch toán, ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Như vậy, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về hình thức kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

❖ Về sổ sách kế toán sử dụng:

Hệ thống sổ sách mà Công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh đầy đủ, được ghi

chép đúng chế độ. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

❖ Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính.

❖ Về hạch toán ban đầu:

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ kí của các bên liên quan tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với số liệu sổ kế toán.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.2.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty cũng còn có những hạn chế cần khắc phục trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về chứng từ sử dụng: Công ty đã lập Phiếu hạch toán nhưng chưa đánh số cho các Phiếu hạch toán, nên rất khó để quản lý và theo dõi.

❖ Về tài khoản sử dụng: Công ty chưa mở tài khoản chi tiết TK 642 dẫn đến việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh chưa được chi tiết.

❖ Về sổ sách sử dụng:

- Công ty chưa lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh nên khó theo dõi được yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Công ty chưa lập Bảng tổng hợp doanh thu, Bảng tổng hợp giá vốn nên không đối chiếu được giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ: Công ty chưa có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ dẫn tới việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ.

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn.

Cụ thể:

- Khi nhà quản trị muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.
- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

3.3.1. Hoàn thiện chứng từ kế toán

Công ty nên đánh số phiếu hạch toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu hạch toán nên đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PHT 01/01, PHT 02/01, PHT 01/02, ...

3.3.2. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 642, sẽ giúp cho việc hạch toán chi phí được chi tiết, rõ ràng.

Sau đây, em xin đưa ra ý kiến việc mở tài khoản chi tiết cho TK 642 như sau:

TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- + TK 64221: Lương nhân viên gián tiếp
- + TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 64225: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 64226: Chi phí dự phòng
- + TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

3.3.3. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

- Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh, nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty. Mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị:.....

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			-Số dư đầu kỳ -Số phát sinh trong kỳ						
			-Cộng SPS trong kỳ -Ghi Có TK... Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sau đây em xin lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho Công ty như sau:

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Công ty CP DVVT container Hoàng Sơn

Địa chỉ: Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – HP

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

- Tài khoản: 642

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đổi ứng	Ghi Nợ tài khoản...								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						64221	64222	64223	64224	64225	64226	64227	64228
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	-	-	-
			Số phát sinh trong kỳ										
...
01/12	HĐ 2137097	01/12	Thanh toán tiền cước điện thoại cho CN Viettel HP	1111	894.069								894.069
02/12	HT	02/12	Phí ngân hàng MB	112	24.000					24.000			
...
18/12	HĐ	18/12	Thanh toán tiền điện	1111	6.608.751								6.608.751

	0287115		cho CN Điện lực Hải An										
...
30/12	HT	30/12	Lương nhân viên gián tiếp tháng 12	334	87.220.000	87.220.000							
...
			Cộng SPS trong kỳ		1.484.397.435	806.368.208	19.873.025	12.184.734	53.064.826	15.360.000	22.184.750	329.184.554	226.177.338
			Ghi Có TK 6422	911	1.484.397.435								
			Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Công ty nên mở bảng tổng hợp doanh thu và bảng tổng hợp giá vốn để thuận tiện cho việc đối chiếu với Sổ cái. Em xin đưa mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.3:**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Tài khoản:...

Năm:...

Đơn vị tính:

STT	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1					
2					
3					
4					
5					

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Em xin lập bảng như sau:

Biểu số 3.4:**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN**

Tài khoản: 632

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giá vốn cont rỗng	4.524.414.880	4.524.414.880	
2	6322	Giá vốn cont VP	1.054.738.195	1.054.738.195	
3	6323	Giá vốn dịch vụ cầu	805.218.915	805.218.915	
4	6324	Giá vốn dịch vụ vận chuyển	531.209.090	531.209.090	
5	6325	Giá vốn dịch vụ nâng hạ	94.388.399	94.388.399	
6	6326	Giá vốn cont cho thuê	526.248.339	526.248.339	
7	6327	Giá vốn dịch vụ sửa chữa	215.284.780	215.284.780	
		Cộng	7.751.502.598	7.751.502.598	

Biểu số 3.5:**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Tài khoản: 511

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu bán cont rỗng	5.442.181.819	5.442.181.819	
2	5112	Doanh thu bán cont VP	1.202.631.912	1.202.631.912	
3	5113	Doanh thu dịch vụ cầu	909.225.461	909.225.461	
4	5114	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	679.119.091	679.119.091	
5	5115	Doanh thu dịch vụ nâng hạ	119.066.363	119.066.363	
6	5116	Doanh thu cho thuê cont	684.517.606	684.517.606	
7	5117	Doanh thu dịch vụ sửa chữa	233.730.353	233.730.353	
		Cộng	9.270.472.605	9.270.472.605	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.3.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ.

Em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

Biểu số 3.6:

Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn

Hạ Đoạn 2 – Đông Hải 2 – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

3.3.5. Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.
- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.
- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Đối với ban quản lý:
 - Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo
 - Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
 - Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
 - Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính.
- Đối với bộ phận kế toán tài chính:
 - Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của ban lãnh đạo
 - Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định
 - Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
 - Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của lãnh đạo liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi-lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa....
 - Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.
- Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, SMART.... Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

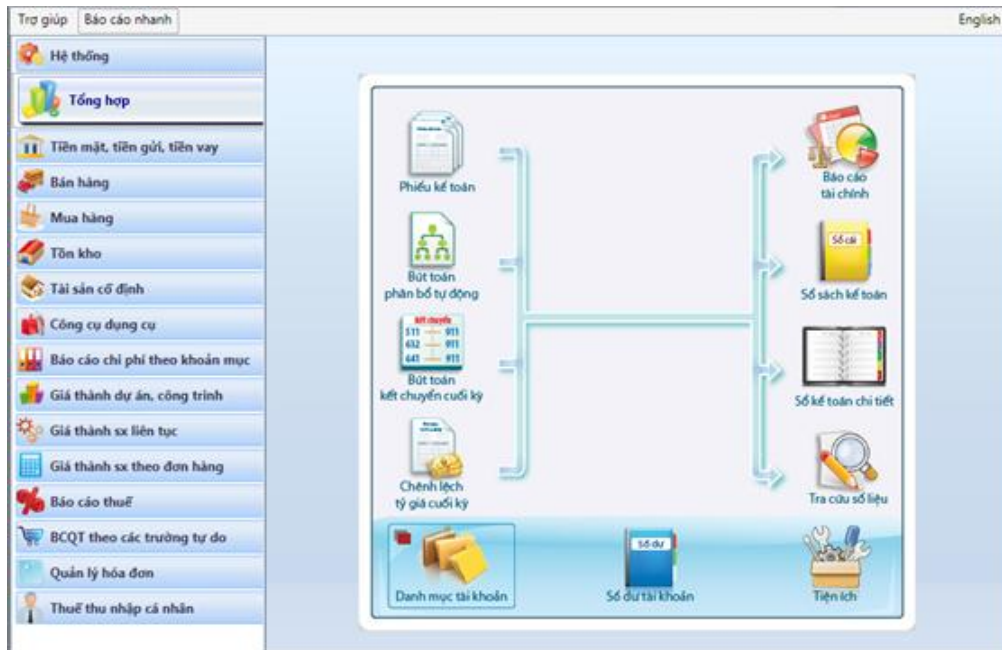
- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012**



Chức năng:

MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên..

• Phần mềm kế toán FAST



Chức năng:

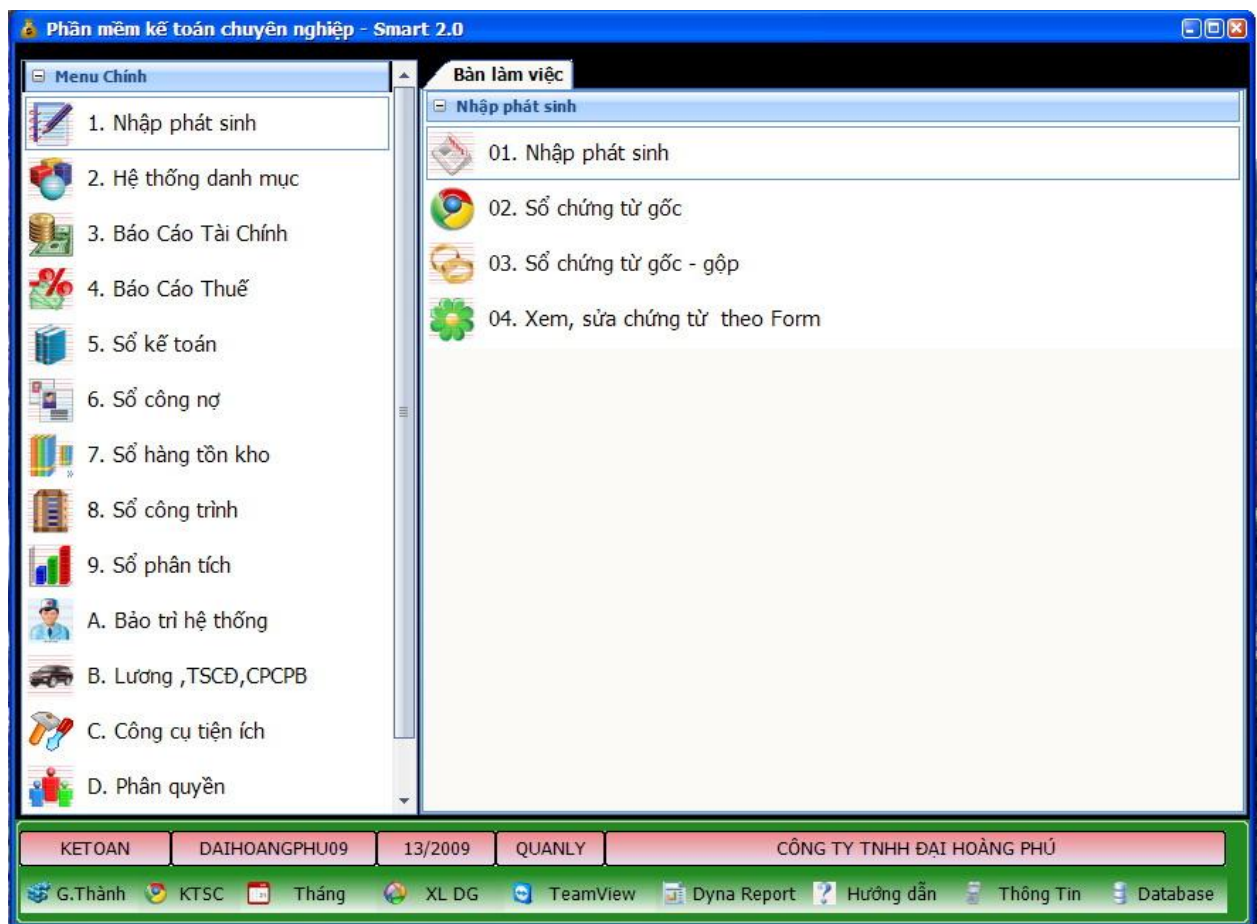
Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

- Hệ thống
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán TSCĐ
- Kế toán CCLĐ
- Báo cáo chi phí theo khoản mục
- Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- Báo cáo thuế
- Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- Quản lý hóa đơn
- Thuế thu nhập cá nhân.

• Phần mềm kế toán SMART

Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây Dựng, Sản Xuất, Thương Mại, Dịch Vụ, Xuất Nhập Khẩu,... Bên cạnh đó phần mềm kế toán SMART còn hỗ trợ đặc lực cho những cá nhân làm dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm kế toán SMART, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.



- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc cho phù hợp với đơn vị. Chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp.
- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính trực tiếp qua HTKK mã vạch (không cần đẩy ra file Excel), theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.
- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.
- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).
- Công cụ quản trị bảng dữ liệu (Bao gồm chức năng In Báo Cáo Nhanh, đẩy dữ liệu ra file Excel đã được căn chỉnh tự động, Access và ngược lại, v.v...), Phân tích dữ liệu mở giống như Subtotal và PivotTable của Excel.

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban Giám đốc Công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Khóa luận của em với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn” đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh khá đầy đủ về công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn với số liệu minh chứng của năm 2013.

Về giải pháp: Đối chiếu với lý luận và tính hình thực tế tại Công ty, Khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ quy định, tình hình thực tế của Công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi với doanh nghiệp.

Do thời gian thực tập có hạn, khả năng còn hạn chế, trong khi đề tài thì khá rộng với nhiều vấn đề nên em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban Giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải container Hoàng Sơn đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn ThS. Trần Thị Thanh Phương – người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 22 tháng 11 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)* : NXB Lao Động
2. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)* : NXB Lao Động
3. Bùi Văn Trường (2008) – *Kế toán chi phí*: NXB Lao Động
4. Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
5. Khóa luận của các khóa 13, 14 tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
3	TSCĐ	Tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	TK	Tài khoản
6	SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa
7	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
8	K/c	Kết chuyển
9	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
10	TP	Thành phẩm
11	DV	Dịch vụ
12	MB	Ngân hàng Quân đội
13	Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
14	NSNN	Ngân sách Nhà nước
15	LN	Lợi nhuận
16	SXKD	Sản xuất kinh doanh
17	CCDC	Công cụ dụng cụ
18	PP	Phương pháp
19	BTC	Bộ Tài chính
20	VP	Văn phòng

